

ĐẠI-ĐẠO TAM-KỲ PHỔ-ĐỘ
TÒA-THÁNH TÂY-NINH



CON ĐƯỜNG
CỦA NGƯỜI ĐỆ TỬ
CAO ĐÀI

HIÊN-TÀI NGUYỄN LONG THÀNH



TÀI LIỆU SƯU TẦM 2021
hai•không•hai•một



Ebook được làm theo tài liệu phổ biến trên Website của DAOCAODAI.INFO. Mọi góp ý, đề nghị thay đổi, sửa chữa những sơ sót do sự sao lục, tái trình bày lại, có thể có, xin vui lòng gửi email vào địa chỉ: tamnguyen351@live.com

Thành thật tri ơn HIỂN TÀI NGUYỄN LONG THÀNH, BAN PHỤ TRÁCH KINH SÁCH WEBSITE DAOCAODAI.INFO đã bỏ nhiều tâm-huyết và công sức trong việc sưu tập, biên khảo, đánh máy, in ấn ngõ hầu GIÁO-LÝ ĐẠI-ĐẠO được phổ truyền rộng rãi, cùng lưu lại di-sản tinh-thần vô-giá cho thế-hệ hiện tại và nhiều thế-hệ tiếp nối mai sau.

California, 22/10/2021

Tâm Nguyên

Website: tusachCAODAI.wordpress.com

CON ĐƯỜNG
CỦA NGƯỜI ĐỆ TỬ
CẠO ĐÀI

.....
HIỀN-TÀI NGUYỄN LONG THÀNH
.....

1971



MỤC LỤC

❖	CƠN ĐƯỜNG CỦA NGƯỜI ĐỆ TỬ CAO ĐÀI	9
➔	TRI ÂN.....	11
➔	CHƯƠNG I: LỜI MỞ ĐẦU	13
➔	CHƯƠNG HAI: KHÁI NIỆM VỀ NHÂN SINH QUAN.....	17
	I.– Bản Thể Con Người:	17
	Hình Hải Thể Chất:.....	18
	Đệ Nhị Xác Thân:.....	18
	Linh Hồn.....	21
	II.– Ý Nghĩa Của Sự Sống:	23
	III.– Sự Tương Quan Giữa Hữu Hình Và Vô Hình:	27
➔	CHƯƠNG BA: ĐỜI SỐNG CỦA NGƯỜI ĐỆ TỬ CAO ĐÀI.....	29
	I.– Nhập Môn Cầu Đạo:	30
	II.– Con Đường Hành Đạo:	31
	1.– Hành Đạo Nơi Cửu Trùng Đài:	33
	2.– Hành Đạo Nơi Hiệp Thiên Đài	37
	3.–Hành Đạo Nơi Cơ Quan Phước Thiện:.....	38
	4.– Tu Chơn	40
	III.– Sự Trau Giồi Tâm Linh.....	43
	Ngũ Giới Cấm	44
	Tứ Đại Điều Qui	45
	Kinh Khi Thức Dậy	46
	Kinh Khi Đi Ngủ.....	47
	Kinh Khi Ra Đường.....	47
	Kinh Khi Về	48
	Kinh Vào Học	48
	Kinh Vào Ăn Cơm	49
	Kinh Khi Ăn Cơm Rồi.....	49

Iv.– Sự Huấn Luyện Thể Xác	50
⇒ CHƯƠNG BỐN:	
VÀI TƯ-TƯỚNG ĐẠI-ĐỒNG.....	52
I.– Trường Học Năm Lớp:	52
II.– Trật Tự Thiên Nhiên Của Xã-Hội Loài Người	56
⇒ CHƯƠNG NĂM:	
SỰ HÒA HỢP GIỮA THỂ VÀ ĐẠO	60
⇒ CHƯƠNG SÁU:	
KẾT LUẬN	70



TÒA-THÁNH TÂY-NINH

**CÔN ĐƯỜNG
CỦA NGƯỜI ĐỆ TỬ CAO ĐÀI**

TRI ÂN



TÔI XIN CHÂN THÀNH TRI ÂN ĐỨC HỘ-PHÁP
PHẠM CÔNG TẮC

Người đã hướng dẫn tôi trên đường Đạo và đường

Đời, đã truyền đến cho tôi những tư tưởng quý báu cô đọng lại trong nội dung quyển sách nhỏ bé này cùng với sự phò hộ của Đức Ngài trong suốt thời gian soạn thảo. Tôi xin chân thành tri ân quý vị lãnh đạo Hội Thánh đã khuyến khích và nâng đỡ tôi về mọi phương diện, cho phép tôi chụp hình và tham khảo các tài liệu cần thiết, xin chân thành tri ân tất cả những ai đã góp phần vào việc ấn loát quyển Pháp Chánh Truyền, Tân Luật, Thánh Ngôn Hiệp Tuyển, Đạo Luật năm Mậu Dần, Tân Kinh, mà tôi đã trích dịch nhiều đoạn trong đó, và sau cùng với ĐỨC CHÍ TÔN, con cúi đầu trong yên lặng.

Riêng đối với những vị cộng tác với tôi, Ông Barry Kolb, người đã cùng chia sẻ sự khó khăn trong khi lựa chọn những từ ngữ tương đương trong tiếng Anh, chính Ông đã đánh máy bản thảo Anh ngữ đầu tiên, Ông Trần Bữu Lân, Phạm Thành Ngộ, Lê Văn Màng, Cô Phú, Em Minh và Thiển là những người đã giúp tôi đánh máy và in ronéo các bản thảo đầu tiên trước khi ấn hành và nhiều vị khác nữa, tất cả quý vị ân nhân ấy đã góp phần công lớn về việc này, tôi xin gửi đến quý vị ấy lòng tri ân sâu xa của tôi.

*Tây Ninh, ngày 17 tháng 06 năm Kỷ Dậu
(30-07-1969)*

NGUYỄN LONG THÀNH

CHƯƠNG I
LỜI MỞ ĐẦU

TRONG CUỘC GIAO TIẾP GIỮA NGƯỜI ĐÔNG PHƯƠNG VÀ TÂY PHƯƠNG, VẪN THƯỜNG CÓ NHIỀU KHÓ khăn vì sự bất đồng ngôn ngữ, phong hóa, nhất là khi bàn đến đời sống tinh thần và những vấn đề triết lý Đạo Giáo. Tại Việt Nam, tư tưởng đạo giáo đã thấm nhuần trong tư tưởng quần chúng từ bao thế hệ qua, nay đã trở thành một ý thức hệ vững chắc với nhiều sắc thái đặc biệt. Sự tiến bộ về khoa học và kỹ thuật đã giúp cho người Tây Phương tổ chức một đời sống vật chất dồi dào phượng tiện hơn và đời sống tinh thần cũng phần nào bị chi phối vì những vật dụng đó. Hai nếp sống khác biệt giữa Đông và Tây hẳn nhiên phải đưa tới những phần khắc trong đời sống cộng đồng không ít thì nhiều, và đôi khi, cứ theo thời gian, điều tai hại ấy lớn dần cho tới khi thành hình rõ rệt và bùng nổ giữa sự bàng hoàng sững sốt của cả đôi bên.

Loại bỏ ra ngoài những sự lợi dụng lẫn nhau trong những hành động thường nhật của kẻ không tu, chúng ta phải nghiêng mình cảm phục trước thiện chí của những người muốn khắc phục những trở ngại của nội tâm, ngoại cảnh, dung hòa các lối sống khác nhau từ đời ông cha đến bây giờ, hầu tạo cho đời sống hồng trần này một sự thoải mái tương đối từ thể chất đến tinh thần giữa

những sự xung khắc chực chờ nổi dậy. Chính vì muốn đưa tay nâng đỡ những tấm lòng vàng đầy thiện chí đó mà tôi phải cố gắng góp nhặt và trình bày một cách giản lược những tư tưởng đã hoạch định nhờ sự tham khảo sách Đạo và sự va chạm với thực tế phủ phàng của con người trần tục.

Quyển sách nhỏ này thành hình và đến tay chư huynh trong trường hợp như trên. Trong năm chương ngắn ngủi sau đây, tôi sẽ cố gắng trình bày, bằng những lời lẽ hết sức giản dị, vài khía cạnh triết lý của một nền Tôn Giáo vừa mới được khai sanh cách đây 44 năm tại Việt Nam. Vì chủ đích phần nào nhằm tới người Tây Phương cố công tìm hiểu đời sống tinh thần của người Việt Nam, mà đời sống này lại được định hướng gần như trọn vẹn bởi những tư tưởng đạo giáo đã ăn sâu vào tâm thức, nên tôi thấy cần giúp cho chư huynh dễ dàng tìm hiểu những nguyên nhân sâu xa trong nội tâm của người dân bản xứ này, đã khiến cho họ có một đời sống tinh thần như hiện nay.

Đời sống tinh thần của người Việt Nam thật vô cùng phức tạp vì ảnh hưởng của nhiều giáo thuyết khác nhau. Chính vì thế các hoạt động tôn giáo đã dự phần quan trọng vào đời sống cộng đồng quốc gia tại xứ nhỏ bé đầy máu lửa này. Trong sự hỗn hợp đa diện những sắc thái đạo giáo như thế thật là khiếm khuyết nếu người ta vô tình hay cố ý làm lu mờ đi vai trò của Cao Đài Giáo trong xã hội Việt Nam.

Qua 44 năm lịch sử, những người theo Tôn Giáo này đã đóng một vai trò tích cực trong sự hình thành các cơ cấu chính trị hiện nay. Đó cũng là một trong những lý do khiến tôi soạn thảo tập tài liệu này hầu giúp thêm

một phần nào cho những bậc cố công tâm Đạo cũng như những nhà nghiên cứu xã hội học hay những nhà thiện chí muốn đưa tay nâng đỡ sinh hoạt tôn giáo Việt Nam mà còn e dè không biết phải bắt đầu nơi đâu và làm cái gì cho thích hợp với nhu cầu và có kết quả.

Gần hơn, xuyên qua những cuộc phỏng vấn, luận bàn giữa các ký giả Tây Phương và chức sắc Cao Đài, đã có nhiều sự hiểu lầm của người Tây Phương khi họ thường nhìn và phê phán đời sống của người đệ tử Cao Đài dưới con mắt đơn thuần vật lý học của họ lại cũng có nhiều người thật tâm muốn tìm hiểu tất cả mọi khía cạnh của nền Tôn giáo mới này với ước vọng định hướng đời sống mình đúng với Thiên ý và đạt đến chơn hạnh phúc, nhưng có nhiều lý do đã khiến cho họ kết luận những điều trái với sự thật mà người đệ tử Cao Đài muốn phô diễn.

Chắc chắn con người không thể nào hiểu được THƯỢNG ĐẾ là ai, khi từ ở trong nội tâm vẫn khư khư giữ một định kiến là không có NGÀI trong vũ trụ. Trong chiều hướng đó, phải vất vả lắm mới tìm hiểu được ĐÁNG mà mọi người tin đồ Cao Đài đang tôn sùng là gì như thế nào nếu không đặt chân lên con đường họ đang đi.

Bây giờ trong địa hạt thuần túy tư tưởng, xin mời chư huynh theo dõi và đi trên con đường đó: CON ĐƯỜNG CỦA NGƯỜI ĐỆ TỬ CAO ĐÀI.

Chư huynh sẽ tìm hiểu khái niệm căn bản về sự cấu tạo con người theo quan niệm nhân bản Cao Đài Giáo, một người đệ tử sẽ phải làm gì trong suốt cuộc đời của họ kể từ khi theo Đạo, hệ thống tư tưởng của họ sẽ tiến

bộ như thế nào và sau cùng họ đang làm gì để cố gắng vươn lên trong những hoàn cảnh khắc khe của một nước đang chịu ảnh hưởng nặng nề của cuộc chiến tranh gây ra bởi sự xung đột ý thức hệ giữa hai khối Cộng Sản và Tư Bản trên hoàn cầu.

CHƯƠNG HAI

KHÁI NIỆM VỀ NHÂN SINH QUAN

DỂ CÓ THỂ DỄ DÀNG HIỂU ĐƯỢC KHÁI NIỆM VỀ SỰ CẤU TẠO CỦA CON NGƯỜI THEO QUAN NIỆM THẦN HỌC Cao Đài Giáo trước hết xin chư huynh tạm thời rời bỏ vài định kiến của mình, nếu có và giữ một thái độ khách quan trong khi đọc những dòng chữ sau đây. Nếu chư huynh thấy có chỗ nào khiếm khuyết, khó hiểu, đó chính là vì soạn giả vụng về chớ chẳng phải thực thể cấu tạo con người không toàn vẹn, vì sự bất tài của người viết chớ chẳng phải vì giáo lý Cao Đài không đủ sáng tỏ.

I.- BẢN THỂ CON NGƯỜI:

Nguồn cội con người vốn linh thiêng, nhưng khi tìm hiểu nó chúng ta hãy bắt đầu từ chỗ không linh thiêng trước đã. Khối tế bào tạo thành thịt, xương, da, lông, tóc... đó chính là hình hài của chúng ta, nhưng như vậy nó có khác chi một tử thi bất động đang nằm bên vệ đường kia? Phải có một yếu tố thứ hai khác hơn cộng thêm vào hình hài đó mới làm cho nó linh hoạt, nghĩa là nó sống. Sự sống được thể hiện dưới hình thức cái hình hài bằng xương, bằng thịt của con người biết ăn, uống, ngủ, biết ham muốn, buồn vui, ghét, giận, lo lắng, suy tư...

Yếu tố thứ hai đó gọi là “**đệ nhị xác thân**”. Nếu con người chỉ gồm có hai phần như vậy thôi, nghĩa là một “*thể xác*” bằng tế bào và một “*đệ nhị xác thân*” nhập lại làm một để thể hiện được sự sống, thì con người có khác chi một con thú, vì thú vật cũng biết cử động, ăn uống, ham muốn, buồn vui, ghét giận, như chúng ta vậy. Vượt lên trên hai phần cấu tạo đó, con người phải có một cái gì khác hơn nữa làm cho nó phân biệt với động vật và có một giá trị cao hơn tất cả các sinh vật hiện hữu trên mặt địa cầu về mặt tấn hóa.

Yếu tố thứ ba đó là nhà thần học gọi nó là “**linh hồn**” và nhà khoa học chỉ thấy tác dụng của nó dưới hình thức trí khôn.

Bây giờ chúng ta xem lại kỹ hơn từng phần một trong ba thể cấu tạo nên con người như vừa trình bày.

HÌNH HÀI THỂ CHẤT:

Nếu chư huynh là người Tây Phương thiết tưởng không cần bàn giải gì hơn về cấu tạo và tính chất của thể xác con người, nếu chư huynh là người Đông Phương chưa từng khảo cứu học thuật Âu Mỹ xin chư huynh hãy tham khảo các sách vở, báo chí về cơ thể học, sinh lý học...

ĐỆ NHỊ XÁC THÂN:

Đây là một thực thể đã gây nhiều khó khăn cho người nghiên cứu. Trước hết, xin bàn đến sự hiện hữu của nó. Sau một ngày làm việc, đêm đến, chúng ta nằm nghỉ rồi trong một lúc mơ màng dường như chúng ta cảm thấy quên tất cả. Thân thể chúng ta nằm yên thường bất động đến nỗi muỗi cắn, cũng không biết, một người

đứng bên cạnh cũng không hay, thậm chí có khi một vật lạ chạm vào người chúng ta cũng không cảm thấy. Tại sao vậy? Cái đệ nhị xác thân ngự trị trong hình hài con người làm cho chúng ta cảm biết dễ dàng trong lúc thức như vừa kể trên, giờ đây đã rút ra khỏi thể xác một phần và đi vào cảnh giới khác thích hợp với những hoạt động riêng biệt của nó. Tuy nhiên, nó vẫn còn giữ lại sự liên lạc với thể xác, tượng trưng bằng sợi dây từ điển, làm cho con tim còn đập, phổi còn thở và tay chân vẫn còn cử động một cách vô thức. Ngày nào sự liên lạc này chấm dứt hoàn toàn, thì lập tức thân xác chúng ta sẽ trở thành một tử thi bất động.

Bản Chất Đệ Nhị Xác Thân:

Thần học Cao Đài Giáo dạy rằng lồng vào trong con người chúng ta còn có một thể thứ hai bằng khí chất, hình dạng giống hệt xác thân bằng xương bằng thịt nầy. Đặt tính của nó là linh hoạt, thu hút sanh khí trong Càn-Khôn vũ trụ để truyền đến xác thân, và nuôi sống các tế bào cho được tốt tươi. Nó cũng rút tĩa những kinh nghiệm của xác thân ở hồng trần chuyển đi đến những thể thanh cao hơn trong số những thể cấu tạo con người. Kinh nghiệm ấy là những viên gạch kế tiếp trải ra trên con đường chúng ta đang đi hay là những dấu vết đương nhiên phải có trên con đường tấn hóa của mỗi người.

Đệ nhị xác thân đang lồng trong khuôn hình hài xác thịt, nó có cả thể tích giống y như xác thân vậy, và chịu ảnh hưởng nặng nề những nghiệp quả tư tưởng và hành động thường nhật. Nếu con người còn nặng nề đeo mang những dục vọng xác thân thì sau khi chết “đệ

nhị xác thân” phải lưu luyện tử thi sắp rời rã như là một môi trường thích hợp cho sự thỏa mãn của nó. Trong một vài trường hợp con mắt của người bình thường có thể nhìn thấy “*đệ nhị xác thân*” của kẻ chết mà người ta gọi là “*bóng ma*”. Nó không muốn rời khỏi xác thân vì người bạn đó đã giúp nó thỏa mãn mọi dục vọng khi nó còn ở trong xác, giờ đây nó sắp mất người bạn đó, nó muốn trở lại sống với người bạn cũ, nó muốn tiếp tục toại hưởng lạc thú hồng trần, nhưng mà luật vô hình buộc nó phải rời bỏ, nên nó hối tiếc, nó đau khổ.

Các phép độ hồn, giải oan, cầu siêu... của các nhà đạo giáo có tác dụng làm giảm bớt sự đau khổ này bằng cách giúp cho *đệ nhị xác thân* có đủ nghị lực và sự khôn ngoan để dễ dàng rời khỏi tử thi quên đi niềm luyện tiếc... Có thể sẽ có những thắc mắc rồi *đệ nhị xác thân* đi về đâu?

Chắc chắn phải có con đường cho nó đi.

Nếu trong cuộc sống, chúng ta là người biết hướng thượng kiểm soát được dục vọng của mình, và dùng cái năng lực phát ra từ sự ham muốn ấy mà phụng sự vạn linh và tìm hiểu về sự sống thì trước buổi chết, *đệ nhị xác thân* đã đủ khôn ngoan để biết rằng nó đã hết phận sự dưới thế, nó phải đi vào những cảnh giới khác. Như là một kết quả đương nhiên của sự hiểu biết này, *đệ nhị xác thân* rời khỏi tử thi một cách dễ dàng với niềm sung sướng như một tù nhân vừa mãn hạn rời khỏi khám đường và đặt chơn lên con đường do nghiệp quả chống chọi của nó định ra.

Tóm lại, những gì mà *đệ nhị xác thân* phải làm sau khi chết là kết quả của những hành vi và tư tưởng khi

nó còn lỏng trong cái khuôn xác thịt. Thế nên, thân xác của người đệ tử Cao Đài phải chịu dưới những luật lệ của Giáo Hội, mục đích là để giúp cho người đệ tử có những dịp tạo nên những hành vi tốt, tư tưởng thiện để ngày sau đệ nhị xác thân dễ dàng siêu thoát, nghĩa là đi trở về nguồn cội linh thiêng của con người. Chư huynh có thể hiểu đó là một ân huệ do Thượng Đế ban cho hay là kết quả đương nhiên của một định luật công bình bất di bất dịch tùy theo trạng thái tinh thần của chư huynh khi đọc những lời này.

LINH HỒN

Bây giờ chúng ta sang qua phần linh hồn hay là yếu tố thứ ba cấu tạo con người. Từ xưa các nền Tôn giáo đều dạy rằng con người có một linh hồn. Nhưng sự hiểu biết về linh hồn thì khác nhau tùy theo trình độ tấn hóa của mỗi cá nhân mỗi dân tộc. Những sự cố gắng giải thích linh hồn là cái gì bằng những lời lẽ thế gian, sau một thời gian có thể hăng thế kỷ đều trở nên thiếu sót, tương tự như một bài học đã qua đối với một cậu học trò đã đỗ đạt. Nói như vậy không có nghĩa là ngôn ngữ chẳng giải thích được điều gì cả như có người thường nghĩ, nhưng trái lại chúng ta cũng phải làm công việc người xưa đã làm, nghĩa là vẫn phải dùng ngôn ngữ của chúng ta mà diễn tả một thực thể trong thế giới vô hình nhưng với một hình thức khác tuy biết rằng chẳng thể nào vẹn toàn được.

Hằng ngày chúng ta sống không ai không suy nghĩ. Con người có trí khôn, cái trí khôn đó giúp cho nó chiếm địa vị tối thượng trong các loài sinh vật trên mặt đất. Khi chết trí khôn ấy đi về đâu? Thật là khó hiểu nếu nói rằng

một thực thể khôn ngoan dường ấy với những quyền năng sáng tạo phi thường mà lại chịu mất đi liền khi thể xác này chết. Cái trí khôn ấy có phải là linh hồn chúng ta không? Thừa không, nó chỉ là tác dụng thấy được do sự hoạt động của linh hồn nơi một con người, hay nói một cách khác linh hồn là nguồn cội của sự khôn ngoan và câu nói ấy không phải là một định nghĩa, nó chỉ mô tả một trong vài điều giải thích về linh hồn và tùy theo mức độ quy phạm của linh hồn mà cái tác dụng thấy được của nó tức là trí khôn được thể hiện dưới hình thức cao thượng hay thấp hèn. Vậy thì chúng ta đừng cố gắng khoắc cho nó một hình ảnh vật lý nào dù là tượng trưng, vì nó vốn không hình không ảnh, và cũng đừng đòi hỏi chứng minh sự hiện hữu của linh hồn bằng những thí nghiệm dựa vào giác quan xác thịt. Chúng ta chỉ có thể nhận thức rằng nó có mặt trong con người chúng ta chứ không thể sờ mó được cũng không thể thấy được bằng nhục nhãn.

Linh hồn vốn trọn lành, trên con đường nhập thế nó phải khoắc lấy một cái áo bằng khí chất, nhẹ nhàng tức là đệ nhị xác thân, thích hợp với những sự hoạt động của nó ở cõi trung giới. Linh hồn muốn biểu lộ những hoạt động của nó ở cõi hồng trần này nó phải mượn thêm cái khuôn xác thịt nặng nề dầy đặc tức là thể xác của chúng ta. Càng đi sâu vào những cảnh giới nặng nề ô trược, linh hồn càng mất tính cách trọn lành vì sự trì kéo của những lớp áo ngoài mà nó mặc có khuynh hướng vị kỷ và cái lớp ngoài nặng nề nhất nhưng cũng cần thiết hơn hết để linh hồn có thể cư ngụ ở cõi trần chính là thể xác của chúng ta.

Tóm lại, nếu chúng ta phải tách rời ra ba phần riêng

biệt cho dễ hiểu thì nơi **mỗi con người đều có một linh hồn, một đệ nhị xác thân và một thể xác hữu hình**. Cho đến đây chúng ta chỉ mới kể ra ba yếu tố cấu tạo con người theo quan niệm thần học Cao Đài Giáo, còn sự hoạt động của ba thể ấy ra sao trên con đường nhập thế và xuất thế không thuộc phạm vi quyển sách nhỏ bé này.

Có thể sẽ có những thắc mắc liên quan đến những khám phá của khoa học về sự di chuyển những luồng chấn động trong hệ thần kinh tạo thành cảm giác, sự hoạt động mà máy móc có thể kiểm chứng được của các trung khu trên những bán cầu não... Tất cả những điều ấy chỉ là kỹ thuật điều khiển sự sống nơi con người do một quyền năng tối thượng sáng tạo, duy trì và hủy diệt nó. Con người chỉ có thể bắt chước kỹ thuật đó mà góp phần vào sự duy trì, đỡ nâng hay là hủy diệt sự sống. Tôi nhấn mạnh đến tánh cách kỹ thuật của những hiện tượng mà khoa học khám phá và nhiều người đã nhầm lẫn sự diễn biến của hiện tượng với nguyên thủy sáng tạo ra nó. Chính vì sự nhầm lẫn này mà con người đã để cho lòng kiêu hãnh ngự trị cả tâm linh khi nó vừa khám phá ra vài bí mật của vũ trụ trong số vô vàn những bí mật hãy còn che khuất. Lòng kiêu hãnh đã thực sự ngăn cản sự tiến bộ của con người không ít.

II.- Ý NGHĨA CỦA SỰ SỐNG:

“THẦY ĐÃ LẬP CHO CÁC CON MỘT TRƯỜNG THI CÔNG QUẢ TẠI THẾ GIAN NÀY” – Đó là lời dạy của Đức Chí Tôn đối với môn đồ của Đức Ngài và đó cũng là tóm tắt ý nghĩa sự sống của người đệ tử Cao Đài ít nhất trên một khía cạnh giải quyết các vấn đề xã hội.

Lẽ dĩ nhiên khi luận về một đề tài có tính cách triết học như thế thật không dễ gì trình bày tất cả mọi giá trị của đời sống con người trong vài trang giấy, vì đời sống là cả một sự tiếp nối những hoạt động tâm linh, trong các cảnh giới vô hình trước và sau khi thân xác xuất hiện trên mặt đất. Sự chằng chịt và ảnh hưởng lẫn nhau theo luật nhân quả của một cá nhân với tiền kiếp của nó, của một cá nhân đối với những người chung quanh trong đời sống cộng đồng làm cho vấn đề trở thành phức tạp vì những gì mà người ta cho là lẽ phải ở thế gian dường như chỉ có giá trị tương đối khi đối chiếu với cảnh vô hình. Ý nghĩa của sự sống phải được xây dựng trên một căn bản nào đó thì những điều được mô tả là có giá trị nhiều nhất mới trở nên hợp lý và mới có thể thông cảm được. Nền tảng đó phải được trình bày thật ngắn và gọn vì nó là một hệ thống tư tưởng xác định sự hình thành của cả vũ trụ này ra sao và trong số những gì được sáng lập, chúng ta đang xem xét sự sáng lập của một con người từ nguyên thủy trong một lần thác sinh.

Trước buổi xuất hiện trên mặt đất này như một con người riêng biệt có đầy đủ ba phần cấu tạo là hình hài thể xác, đệ nhị xác thân và linh hồn, thử hỏi có những hoạt động gì không, hay đó chỉ là một sự ngẫu nhiên? Mọi người đệ tử Cao Đài đều trả lời là CÓ. Trên con đường nhập thế, linh hồn phải trải qua nhiều hoạt động trong các cảnh giới vô hình mới có thể ngự trị trong xác thân này. Tôi tránh không gọi tên những cảnh giới đó là gì, vì nó thường gây ra sự hiểu lầm do ấn tượng của những từ ngữ thế gian tạo nên. Mục đích của những sự hoạt động này là để tạo cho linh hồn những cái nhà trọ thích hợp với những hoạt động ở từng cảnh giới vô

hình. Cũng trên con đường nhập thế, một linh hồn khi đã mang được một lớp vỏ hay cái nhà trọ, muốn tiến một bước nữa đến gần cảnh giới hồng trần hơn nó phải mang luôn cái nhà trọ cũ lỏng vào trong cái nhà trọ mới càng thô kệch hơn và nặng nề hơn. Trong số những nhà trọ mà linh hồn cư ngụ cái nặng nề nhất và thô kệch nhất chính là thân xác hữu hình của chúng ta đây.

Rồi sau khi mượn thân xác này để biểu lộ sự sống của Thượng Đế dưới hình thức một cá thể biệt lập, linh hồn phải trở về nguồn cội của nó. Bây giờ trên con đường xuất thế hay là phản bản huồn nguyên, trái lại nó phải rời bỏ, chứ không được mang theo những cái nhà trọ mà nó đã dùng trước kia. Nhà trọ nào nó dùng sau cùng sẽ bỏ trước nhất và theo thứ tự như vậy nó tiếp tục tháo bỏ nhiều thể cấu tạo khác, sau khi rời khỏi thể cuối cùng trên con đường nhập thế là thân xác của chúng ta. Một câu kinh Cao Đài đã mô tả sơ lược khúc quanh trong lộ trình ấy như sau:

*“Hồn Trời hóa trở về Thiên cảnh “
“Xác đất sanh đến lịnh phục hồi”*

Trong cuộc hành trình hai chiều ấy có nhiều giai đoạn sáng lập, tiến hóa và hủy diệt. Chúng ta tìm hiểu một trong số những giai đoạn ấy: giai đoạn linh hồn cư ngụ trong thân xác. Trở lại vị trí hiện tại của người đệ tử Cao Đài trên thế gian này, thử hỏi đời sống của họ có một ý nghĩa gì trong cái toàn diện sáng lập nên con người trong vũ trụ.

Người đệ tử nhận mình là con của Thượng Đế thì những gì là đặc tánh của Thượng Đế mà họ hiểu được người đệ tử phải cố gắng làm theo.

“THẤY LÀ CÁC CON, CÁC CON LÀ THẤY”

Đó là câu quen thuộc nơi cửa miệng của người đệ tử Cao Đài, họ thường nhắc nhở lời dạy này của Đức Chí Tôn để cố gắng thể hiện vai trò thay hình ảnh Chí Tôn tại thế.

Đức hóa sanh của Đại Từ Phụ thật là vô biên và trong đời sống hồng trần của cá nhân người đệ tử họ phải cố gắng thể hiện Đức hóa sanh ấy bằng cách hướng mọi hành động vào sự nâng đỡ cơ sanh hóa và bảo tồn vạn linh. Nói cách khác người đệ tử phải phụng sự vạn linh. Qua nghi lễ dâng hoa, rượu, trà tượng trưng cho tam bửu người đệ tử Cao Đài đã tự họ nói lên ý nghĩa của đời sống khi họ cầu nguyện dâng trọn xác thân, trí não và linh hồn cho Đức Chí Tôn dùng làm con tế vật phụng sự vạn linh. Đó là căn bản lý thuyết của giá trị đời sống: **Phụng sự**.

Có lẽ chư huynh cần biết rõ người đệ tử Cao Đài phải có những hành động cụ thể nào để biểu lộ ý nghĩa đời sống của họ. Không có một qui luật nào nhất định buộc tất cả mọi người đệ tử phải gánh vác những việc giống nhau vì trình độ tấn hóa của họ không bằng nhau. Không có một luật lệ nào kê khai đủ mọi chi tiết của các hoạt động thường nhật cho tất cả mọi người đệ tử ở khắp các vùng đất trên thế giới, nhưng có một luật căn bản cho tất cả mọi người mọi nơi đó là sự thương yêu. Sự biểu lộ lòng thương yêu của Thượng Đế tùy thuộc vào mỗi cá nhân, mỗi đoàn thể, phong tục tập quán của từng quốc gia, từng vùng đất trên toàn cầu mà khác nhau, vì vậy mà vài điều khoản luật lệ Giáo hội Cao Đài hiện đang áp dụng cho người Việt Nam có thể không thích hợp với người ngoại quốc và có thể sửa đổi được. Đó

là điều quan trọng và là một sắc thái đặc biệt trong đời sống người đệ tử Cao Đài. Luật lệ không phải là những cái khuôn cứng rắn đóng cửa và xua đuổi những người từ bên ngoài, mà chính là cái khuôn uốn nắn người đệ tử trở thành kẻ phụng sự càng ngày càng mở rộng tầm hoạt động và sự hiểu biết của mình để đón nhận tất cả mọi người như Đức Chí Tôn vậy.

III.- SỰ TƯƠNG QUAN GIỮA HỮU HÌNH VÀ VÔ HÌNH:

Nếu chúng ta nhìn xa hơn trên con đường phản bổn huần nguyên của kiếp sống người đệ tử Cao Đài... Chúng ta sẽ thấy có những lý do thần quyền hơn là lý do vì xã hội, đã khiến cho người đệ tử phải buộc mình trong những khuôn luật khắc khe chủ yếu là để giúp Đồi giúp Đạo. Qua lời cầu nguyện trong những ngày lễ vía của các vị tiền bối hay kẻ quá cố trong gia đình, người đệ tử tại tiền có một ước muốn mãnh liệt cho các Chơn-Linh được cao thăng phẩm vị trong cõi vô hình. Họ tin tưởng nơi sự liên quan mật thiết giữa thế giới vô hình và hữu hình.

Như đã trình bày trước đây rằng sau khi chết đệ nhị xác thân sẽ đặt chân trên con đường do nghiệp quả chồng chất của nó tạo nên. Nói cách khác **những gì mà con người đã làm trong kiếp sống sẽ định hướng cho đệ nhị xác thân và linh hồn sau khi rời khỏi xác**. Đó là con đường thẳng tắp, gằn gỏi, nhẹ nhàng cho những người biết hướng thiện và là con đường ngoằn ngoèo xa diệu vợi và đầy khổ đau cho những kẻ hung bạo. Người đệ tử Cao Đài tin tưởng nơi công quả của mình tạo cho thế gian, sẽ giúp cho họ đi trên con đường thứ nhất trở về cùng Chí Tôn và chữ “*cao thăng phẩm vị*” chỉ có nghĩa

là bước những bước dễ dàng trên con đường tấn hóa, nó không còn mang ý nghĩa những chức tước, phẩm trật, áo lễ của một triều nghi. Chính lý do thần bí này là nguyên động lực thúc đẩy người đệ tử Cao Đài chấp nhận sự hy sinh cho kẻ khác mặc dù sự “cao thăng phẩm vị” không phải là một mục đích tối hậu của tôn giáo này vốn không cho phép một hình thức ích kỷ nào dù là sự tiến bộ cho riêng mình tồn tại trong tâm tư của người đệ tử đã tấn hóa cao.

Mọi hình thức giải thích sự hy sinh của người đệ tử là vì quyền lợi của phe này nhóm nọ như một vài quan sát viên đã nói thì thật là thiếu sót. Trên bình diện xã hội, người ta có quyền nghĩ như vậy nhưng nếu muốn tìm hiểu đời sống của người đệ tử một Tôn Giáo chúng ta không thể bỏ qua lý do thần bí này.

CHƯƠNG BA

ĐỜI SỐNG CỦA NGƯỜI ĐỆ TỬ CAO ĐÀI

TRONG CHƯƠNG NÀY CHỈ MÔ TẢ ĐỜI SỐNG CỦA NGƯỜI ĐỆ TỬ CAO ĐÀI VIỆT NAM. DĨ NHIÊN ĐÓ không phải là một đời sống gương mẫu cho các nước khác vì mỗi quốc gia đều có phong tục tập quán riêng và trình độ dân trí khác nhau.

Tại Việt Nam Tỉnh Tây Ninh là nơi có nhiều tín đồ Cao Đài nhất. Khoảng 163.000 tín đồ đang tập trung chung quanh Đền Thánh Tây Ninh trên một vùng đất rộng gọi là Thánh Thị. Rải rác các nơi khác gần đó họ sống lẫn lộn với những tín đồ các Tôn giáo khác và những người không theo Tôn Giáo nào, suýt bách phân tín đồ Cao Đài trong toàn tỉnh lên đến 70%. Họ cũng sống trên hầu hết các Tỉnh Miền Nam và một số Tỉnh ở Miền Bắc Việt Nam, tại đây trước ngày phân lãnh thổ bởi Hiệp Định Genève 1954 Hội Thánh Cao Đài Tòa Thánh Tây Ninh đã phái nhiều chức sắc đến truyền giáo và đã thiết lập được những cơ sở truyền giáo tại địa phương trong tình trạng xã hội hiện tại sự liên lạc có phần khó khăn.

Bây giờ chúng ta đi vào chi tiết những gì mà một người Đệ Tử Cao Đài phải làm khi mới theo Đạo và trong suốt cả cuộc đời

I.- NHẬP MÔN CẦU ĐẠO:

Bước đầu tiên để một người thường trở thành đệ tử Cao Đài là phải nhập môn cầu Đạo. Đây là một nghi lễ hữu hình nhưng nó có giá trị đối với tâm linh và Hội Thánh cũng như hầu hết các tôn giáo khác đều làm. Người đệ tử phải quỳ trước Thiên Bàn và nói lên lời minh thệ của họ đại ý như sau:

“Tôi tên là..... tuổi..... từ đây biết một Đạo Cao Đài Ngọc Đế chẳng đổi dạ đổi lòng hiệp đồng chư môn đệ gìn luật lệ Cao Đài như ngày sau có lòng hai thì Thiên Tru Địa lục”

Người chứng lễ này là một vị Chức Sắc ở cấp nào cũng được. Tại các địa phương hẻo lánh không có chức sắc hành đạo thì chức việc trong tổ chức Bàn Trị Sự được phép chứng lễ. Sau nghi lễ đó, người đệ tử được cấp một giấy chứng nhận tạm thời tiếng Việt Nam gọi là “*Sớ Cầu Đạo*”.

Từ đây người đệ tử phải gìn giữ một vài điều khoản luật định sơ khởi và thực hành một vài nghi lễ thường xuyên như ăn chay mỗi tháng ít nhất 6 ngày (06 ngày chay trong tháng âm lịch là mồng 1, 8, 14, 15, 23, 30 – [Như tháng thiếu thì ăn ngày 29 thế cho ngày 30].) và châu lễ Chí Tôn hai kỳ mỗi tháng tại các Thánh Thất vào ngày Rằm và Mồng Một Âm lịch.

Ăn chay theo Đạo Cao Đài có nghĩa là nuôi dưỡng cơ thể bằng chế độ thực phẩm gốc ở thực vật. Họ không được phép ăn thịt của bất kỳ loại động vật nào trong ngày chay lạt, từ con thú lớn như thịt bò, thịt heo cho đến tôm cua. Nói một cách khác thực phẩm mà họ dùng không do một vụ sát sanh động vật nào.

Sau một thời gian 6 tháng người đệ tử phải bắt đầu ăn chay 10 ngày trong một tháng (10 ngày chay trong tháng âm lịch là mồng 1, 8, 14, 15, 18, 23 24, 28, 29, 30 – [Tháng thiếu ăn ngày 27]). và có thể dùng ở mức độ nầy cho đến suốt đời nếu họ không muốn đi xa hơn nữa trên bước đường tu hành. Mỗi tháng hai kỳ người đệ tử phải đến Thánh Thất đọc kinh. Những bài kinh nầy có tính cách đồng nhất cho tất cả mọi nơi trong toàn quốc. Và sau đó tất cả mọi người trong đàn cúng đều dâng sớ tập thể cầu nguyện cho những vấn đề trọng đại của nhơn sanh và Hội Thánh. Lời cầu nguyện được viết trên lá sớ trình tấu cùng Thượng Đế và các Đấng Thiêng Liêng. Một vị xướng đọc trong khi mọi người đều giữ yên lặng. Đọc xong họ đốt sớ. Đó là hình thức biểu lộ lòng tin tưởng nơi Đức Chí Tôn và cũng là cách để tập trung tư tưởng của nhiều người vào một ước muốn duy nhất. Sau lời cầu nguyện tập thể, nếu muốn, người đệ tử có thể cầu nguyện vài điều cho cá nhân họ. Trong 6 tháng tập sự nầy người đệ tử phải cố gắng học thuộc kinh, làm quen với các nghi lễ cúng kiến và giữ chay lạt ở mức tối thiểu 6 ngày trong một tháng. Sau 6 tháng nếu họ làm tròn những phận sự nầy sẽ được Hội Thánh cấp cho Sớ Cầu Đạo Thiệt Thọ.

II.- CON ĐƯỜNG HÀNH ĐẠO:

Từ đây người đệ tử được chánh thức thâm nhận và có những con đường mà luật pháp Đạo đã dành sẵn cho họ. Hội Thánh có bao nhiêu cơ quan, bao nhiêu chức vụ thì người đệ tử có thể bước vào làm việc trong những cơ quan ấy và giữ những chức vụ ấy nếu muốn và nếu có đủ khả năng.

Ngoại trừ những chức vụ do Đức Chí Tôn hoặc các Đấng Thiêng Liêng chỉ định trong buổi ban sơ bằng cơ bút và không có dạy điều gì về sự tuyển chọn người thay thế, hầu hết các phẩm vị khác đều có thể thay thế được bằng lối công cử.

Trước khi mô tả những con đường hành đạo mà một người đệ tử có thể chọn lựa, thiết tưởng chúng ta cần tìm hiểu sơ lược tổ chức của Hội Thánh ra sao. Để điều khiển cơ Đạo có ba Đài cùng hoạt động:

- **BÁT QUÁI ĐÀI:** Là một tối linh đài điều khiển cả Càn-Khôn vũ trụ dưới quyền Chưởng Quản của Đức Chí Tôn và các Đấng trọn lành.
- **HIỆP THIÊN ĐÀI:** Là cơ quan Lập Pháp và là một cơ quan có phận sự thông công với cõi vô hình để tiếp nhận Thánh Giáo do Thiêng Liêng chỉ dạy, bảo thủ chơn truyền luật pháp của Đạo, bênh vực những người cô thế hoặc tiếp nhận những sự uất ức, bất công của toàn sanh chúng tức là giữ nét công bình trên mặt Đạo.
- **CỬU TRÙNG ĐÀI:** Hay cơ quan Hành Pháp là một cơ quan Hành chánh Đạo có phận sự truyền giáo.

Trong ba cơ quan căn bản ấy chỉ có hai Đài Hiệp Thiên và Cửu Trùng có chức sắc làm việc. Còn Bát Quái Đài là một tên có trong sự tin tưởng của người đệ tử tượng trưng cho quyền năng của Đức Chí Tôn và các Đấng trọn lành. Ngoại trừ ĐỨC HỘ PHÁP Phạm Công Tắc có tiết lộ đôi điều về những gì Đức Ngài đã nghe thấy trong một chuyến xuất thần về châu Chí Tôn (*Xem Con Đường Thiêng Liêng Hằng Sống – Đức Hộ Pháp Phạm Công Tắc*) khi Ngài còn sanh tiền kỳ dư cho đến bây giờ

riêng tôi vẫn chưa thấy có lời giải thích nào rõ ràng về những hoạt động nơi đây ra sao.

Đức Ngài chỉ được phép công bố một số giới hạn những sự kiện trong lĩnh vực này, còn nhiều điều khác nữa Đức Chí Tôn đã cho Ngài biết nhưng Ngài không được phép nói rõ hơn.

1.- HÀNH ĐẠO NƠI CỬU TRÙNG ĐÀI:

Bây giờ nếu muốn đi vào cơ quan Cửu Trùng Đài thì những Phẩm vị sau đây, một người đệ tử có thể giữ được:

- Đạo Hữu.
- Chức việc Bàn Tri Sự.
- Lễ Sanh.
- Giáo Hữu.
- Giáo Sư.
- Phối Sư.
- Đầu Sư.
- Chưởng Pháp.
- Giáo Tông.

Quyền hành của vị Giáo Tông Đạo Cao Đài không giống như một Giáo Hoàng Thiên Chúa ở Toà Thánh La Mã. Các danh từ dùng để dịch tên các hàng giáo phẩm chỉ cho ý niệm về sự đối phẩm mà thôi, dĩ nhiên có nhiều sự khác biệt giữa một “*Giáo Hữu*” và những gì mà chư huynh có thể hiểu được khi nghe người ta gọi lần đầu tiên danh từ “*Caodaist Priest*” (Mục sư Cao Đài).

Theo luật lệ hiện hành thì Đạo hữu muốn được vào hạng chức việc phải do toàn thể Đạo hữu trong thôn xóm công cử. Dĩ nhiên người được công cử phải là những đệ

tử xứng đáng biết tuân y luật Đạo và có phẩm hạnh tốt.

Chức việc Bàn Tri Sự có ba phẩm:

- Chánh Tri Sự: Làm đầu một Hương Đạo.
- Phó Tri Sự: Coi về Hành chánh trong Hương.
- Thông Sự: Coi về Luật Pháp trong hương Đạo.

Một Ông Đầu Hương có thể có nhiều vị Phó Tri Sự và Thông Sự dưới quyền, và trong trường hợp đó Phó Tri Sự và Thông Sự trông coi một Ấp.

- Chánh Tri Sự còn gọi là “*Đầu Sư Em*” tức là vị thay mặt cho quyền hành Đầu sư ở cấp Xã.
- Phó Tri Sự còn gọi là “*Giáo Tông Em*” tượng trưng cho quyền hành Giáo Tông ở cấp Xã.
- Thông Sự còn gọi là “*Hộ Pháp Em*” tượng trưng cho quyền hành Hộ Pháp (“*Trong Đạo Cao Đài HỘ PHÁP là một phẩm tương đương với GIÁO TÔNG. Cả Hộ Pháp và Giáo Tông đều đồng phẩm đối cùng GIÁO HOÀNG bên Thiên Chúa tại Tòa Thánh La Mã*”) ở cấp Xã.

Cả hai Phó Tri Sự và Thông Sự đều đồng phẩm cùng nhau và dưới quyền Chánh Tri Sự. Chánh Tri Sự làm tròn phận sự trong 5 năm có thể cầu phong Lễ Sanh.

Số Lễ Sanh trong Đạo Cao Đài không giới hạn.

Lễ Sanh sau 5 năm làm tròn phận sự được cầu phong lên Giáo Hữu. Số Giáo Hữu được ấn định là 3.000 người được chia làm 3 phái:

- Phái Thái: Mặc áo màu vàng, có 1.000 Giáo Hữu.
- Phái Thượng: Mặc áo màu xanh da trời, có 1.000 Giáo Hữu.
- Phái Ngọc: Mặc áo màu đỏ, có 1.000 Giáo Hữu.

Đức Chí Tôn đã định giới hạn này khi Ngài lập pháp Chánh Truyền hay là bản Hiến Pháp bất di bất dịch của Đạo Cao Đài. Như vậy không ai có thể thay đổi con số này. Ba ngàn Giáo Hữu gồm những người đang nắm quyền hoạt động không kể những chức sắc đã hồi hưu hay giải nhiệm.

Giáo Hữu là phẩm thấp nhất để được kể vào hàng Hội Thánh tức là Thánh Thể Đức Chí Tôn. Giáo Hữu có thể cầu thăng lên các phẩm trên cao hơn đến tột đỉnh bên Cửu Trùng Đài là Giáo Tông giới hạn tổng số chức sắc trong các phẩm kế tiếp là:

- Giáo Sư: 72 vị, mỗi phái 24.
- Phối Sư: 36 vị, mỗi phái 12 (trong số này có 3 vị Chánh Phối Sư, mỗi phái 1 vị)
- Đầu Sư: 3 vị, mỗi phái 1 vị.
- Chương Pháp: 3 vị, mỗi phái 1 vị.
- Và chỉ có một vị Giáo Tông là người lãnh đạo Cửu Trùng Đài.

Giới hạn này không áp dụng cho nữ phái, chức sắc nữ phái không được giữ phẩm vị Giáo Tông và Chương Pháp, phẩm cao nhất là Nữ Đầu Sư. Như vậy một vị nữ tu hành đạo nơi Cửu Trùng Đài có thể đi từ phẩm Đạo Hữu đến Nữ Đầu Sư và tổng số nữ chức sắc trong mỗi hàng phẩm thì không giới hạn.

Nói chung hầu hết các phẩm vị trong Hội Thánh đều có thể tuyển chọn bằng lối công cử. Chức sắc ở phẩm này muốn lên phẩm kế tiếp cao hơn phải hành Đạo ở phẩm vị mình trong một thời gian tối thiểu bao lâu tùy luật định, thường thường là 5 năm và phải chờ đến khi có khuyết vị ở phẩm trên một bậc, giả sử tổng số Phối

Sư Phái Ngọc đương quyền hành chánh là 12 vị tức là đủ số ấn định trong Pháp Chánh Truyền, thì một vị Giáo Sư phái Ngọc dù đã hành Đạo đầy đủ trong 5 năm hay 6 năm đi nữa cũng phải đợi đến khi nào trong hàng Phối Sư phái Ngọc khuyết một vị thì mới được ứng cử. Riêng phẩm Chánh Phối Sư do Giáo Tông chỉ định lựa chọn trong số 36 Phối Sư.

Sự công cử các phẩm vị chức việc và chức sắc Cao Đài do bạn đồng phẩm của mình chọn lựa, chẳng hạn toàn thể Lễ Sanh lựa chọn những người xứng đáng để đưa lên hàng Giáo Hữu, toàn thể Giáo Hữu lựa chọn người xứng đáng đưa lên hàng Giáo sư. Riêng Giáo Tông phải do toàn thể tín đồ công cử và cả hai phẩm Đầu Sư và Chương Pháp đều có thể tranh cử đặng.

Đó là sơ lược lối tuyển chọn chức sắc Cửu Trùng Đài bằng lối công cử dựa theo những điều được qui định trong quyển Tân Luật và Pháp Chánh Truyền.

Nhưng hiện nay tôi nhận thấy khi tuyển chọn một chức sắc để đưa lên hàng phẩm cao hơn, thì Hội Thánh không để những chức sắc đồng phẩm tự lựa chọn với nhau mà phải luôn luôn hỏi ý kiến của Hội Nhơn Sanh, lấy quyết định của Hội Thánh, Thượng Hội và sau cùng là phán quyết của quyền Thiêng Liêng bằng cách thông công. Hiện giờ không có đủ chức sắc tới số ấn định trong Pháp Chánh Truyền.

Trong thời kỳ lập Đạo hầu hết các chức sắc đều do Đức Chí Tôn phong vị và cho tới bây giờ cũng có vài trường hợp ngoại lệ, một vài vị được thăng chức không do luật công cử mà do sự phong thưởng của Thiêng Liêng trong những đàn cơ ("*Cơ bút là một hình thức thông công*

dùng hai đồng tử để diễn tả Thánh ý bằng cách viết chữ trên một miếng ván, dụng cụ dùng để viết gọi là cái cơ hình giống như cái giỏ có cần dài và một cái mõ dùng để viết”.) tại cung Đạo Đền Thánh.

Có điều cần nói rõ là các phẩm vị hữu hình trong Hội Thánh Cao Đài đều được xem như ngang hàng với các phẩm vị của Thần, Thánh, Tiên, Phật trong thế giới vô hình. Mọi người đều tin tưởng như vậy. Lẽ dĩ nhiên khi một linh hồn rời khỏi xác thân thì những gì liên quan đến phẩm trật đều trở thành vô nghĩa những tiếng «*phẩm vị thiêng liêng*» mà người Cao Đài thường dùng chỉ có ý nghĩa là những trình độ tấn hóa của một chơn hồn.

Những quyển sách sau đây nói rõ hơn về phạm sự của từng phẩm chức sắc:

- Pháp Chánh Truyền.
- Tân Luật.
- Đạo Luật năm Mậu Dần (1938).

2.- HÀNH ĐẠO NƠI HIỆP THIÊN ĐÀI

Nơi Hiệp Thiên Đài hay là cơ quan lập pháp có hai hạng chức sắc:

- Hàng chức sắc cao cấp do Đức Chí Tôn phong thưởng, không thể thay thế được bằng lối công cử.
- Hàng chức sắc thấp hơn do Hội Thánh phong thưởng tổng số không giới hạn.

Chức sắc Hiệp Thiên Đài giữ quyền tư pháp trong Đạo, họ lập những phiên tòa để xử các vụ vi phạm luật Đạo của chức sắc và tín đồ (Còn có một loại tòa án khác nữa gọi là *Tòa Tam Giáo Cửu Trùng Đài* tức là Hội Đồng

tư pháp tối cao bên Cửu Trùng Đài.) Họ còn có phận sự mở những cuộc điều tra về mọi hành vi của một chức sắc để cung cấp cho Hội Thánh những tài liệu cần thiết xác định vị chức sắc đó có tuân theo luật lệ Hội Thánh hay không cùng là hạnh kiểm và công nghiệp thực sự đã làm được những gì cho nhơn sanh.

Một người đệ tử Cao Đài có thể bắt đầu làm việc nơi Hiệp Thiên Đài với phẩm Luật sự và dần dần thăng phẩm đến Tiếp Dẫn Đạo Nhơn theo thứ tự như sau: Luật Sự – Sĩ Tải – Truyền Trạng – Thừa Sứ – Giám Đạo – Cải Trạng – Chương Ấn – Tiếp Dẫn Đạo Nhơn. (Xem sơ đồ tổ chức Hiệp Thiên Đài).

Tiếp Dẫn Đạo Nhơn có công phổ độ một nước được phép cầu thăng vào hàng Thập Nhị Thời Quân nếu có khuyết tịch. Ngoài việc xử đoán và điều tra, chức sắc cao cấp Hiệp Thiên Đài còn phải thông công với Đức Chí Tôn và các Đấng trọn lành để tiếp nhận Thánh Giáo hay là các phán lệnh tối cao trong việc điều khiển Hội Thánh.

3.-HÀNH ĐẠO NƠI CƠ QUAN PHƯỚC THIỆN:

Ngoài hai con đường vừa trình bày trên đây còn có một lối khác nữa, đó là con đường Phước Thiện. Phước Thiện là một cơ quan đặt dưới quyền điều khiển tối cao của Hiệp Thiên Đài chức sắc Phước Thiện có 12 phẩm từ dưới lên trên như sau:

- Minh Đức, Tân Dân, Thính Thiện, Hành Thiện, Giáo Thiện, Chí Thiện.
- Đạo Nhơn, Chơn Nhơn, Hiền Nhơn, Thánh Nhơn, Tiên Tử, Phật Tử.

Số chức sắc ở mỗi cấp trong cơ quan Phước Thiện

cũng không có giới hạn. Sau một thời gian làm tròn phận sự theo luật định là 3 năm người đệ tử có thể thăng lên một phẩm.

Phước Thiện là cơ quan bảo tồn sanh chúng trên con đường sinh hoạt nuôi sống thi hài, tức là cơ quan giải khổ cho chúng sanh tầm phương bảo bọc những kẻ tật nguyên, cô độc, dốt nát hoặc giúp tay cho bên Hành Chánh thi hành luật pháp dễ dàng. Đó là tổ chức xã hội của Đạo Cao Đài và Đức Hộ Pháp Phạm Công Tắc là người đóng vai trò quan trọng nhất trong sự thành hình của cơ quan này.

Để có được ý niệm rõ rệt hơn về những hoạt động của người đệ tử Cao Đài theo đường lối Phước Thiện, sau đây là vài điều căn bản đòi hỏi người đệ tử phải cố gắng thực hiện cho được ngay trong những bước đầu tiên sau khi thâm nhận.

- Mỗi Quận Đạo phải lập ra một nhà sở Phước Thiện chánh thức, nơi nhà sở ấy mới đăng phép hội hiệp lo thương lượng làm ăn thuộc về Phước Thiện.
- Mỗi Làng Đạo phải khai mở nhiều sở lương điền, công nghệ, thương mại, các sở lương điền công nghệ, thương mại ấy phải chịu dưới quyền của sở Phước Thiện Chánh.
- Nơi mỗi nhà Sở Phước Thiện chánh phải lập những cơ quan thiết dụng như là: Bảo sanh viện – Y viện – Ấu trĩ viện – Dưỡng lão đường – Học viện.

Đây là những nhu cầu dựa trên thực trạng xã hội Việt Nam, dĩ nhiên ở những xứ khác sẽ có những đòi hỏi khác.

4.- TU CHƠN

Rời khỏi cơ quan Phước Thiện chúng ta vẫn có thể tìm thấy một con đường khác nữa bao la và huyền bí đó là con đường tu chơn. Nơi đây chúng ta không bị chi phối bởi những luật lệ của Hội Thánh phân định từng phẩm vị phải làm gì, phải có những đức hạnh gì và điều kiện nào nhưng kỳ thật chúng ta tự đặt mình trong những luật lệ cũng không kém khác khe. Nơi đây chúng ta có thể giữ cương vị một người Tín đồ cho đến suốt đời đối với Hội Thánh, nhưng phải cố gắng trau luyện tâm linh, phải lập công cùng xã hội luôn luôn. Cho đến bây giờ tôi chưa tìm thấy bộ luật nào của Hội Thánh riêng cho những người tu hành theo lối này, chỉ có lời chỉ dẫn của Đức Hộ Pháp Phạm Công Tắc, người điều khiển cơ quan Hiệp Thiên Đài, thiết tưởng có thể xếp vào đây được.

PHƯƠNG LUYỆN KỶ ĐẶT VÀO CON ĐƯỜNG THỨ BA ĐẠI ĐẠO:

- Phải biết thân thích cùng cả nhân vật tức là tìm nguyên nhân do của Vạn Linh và Chí Linh.
- Phải ân hậu và khoan hồng.
- Phải thanh nhàn đừng vị kỷ.
- Phải bình tĩnh, nghĩa là đừng chịu ảnh hưởng của họa, phước, buồn, vui, tập tánh không không đừng nhiễm, vui cũng vui, buồn cũng buồn, nhưng đừng để nọc buồn vui thấm vào chơn tánh.
- Phải độ lượng, khoan dung, tha thứ.
- Phải vui vẻ, điều hòa, tự chủ và quyết đoán.
- Giữ linh tâm làm căn bản. Hiếu hạnh với Chí Tôn và Phật Mẫu.

PHƯƠNG PHÁP TRỊ TÂM VÌ TÂM LÀ HÌNH ẢNH THIÊN LƯƠNG:

- Đức tin và khôn ngoan là kho chí bửu, ngoài ra là của bỏ là đồ vô giá.
- Ai đã cố oán kẻ thù của mình thì khó giữ thanh tâm công chánh cho đặng.
- Ai chẳng oán hận mới thắng đặng kẻ thù nghịch cùng mình.
- Sự cừu hận là khối thảm khổ đệ nhất của nhơn sanh nên người hiền thì không biết đến hay là từ bỏ cừu hận oán ghét.
- Thắng đặng khí nộ mình thì không chọc ai giận dữ.
- Lấy thiện mà trừ ác.
- Lấy nhơn nghĩa trừ bạo tàn.
- Lấy lòng quảng đại đặng mở tâm lý hẹp hòi.
- Lấy chánh trừ tà.
- Ấy là đường thương huệ kiếm.

LUYỆN THÂN LUYỆN TRÍ

- Âm thực tinh khiết.
- Tư tưởng tinh khiết.
- Tín ngưỡng mạnh mẽ nơi Chí Tôn, Phật Mẫu.
- Thương yêu vô tận.
- Ấy là chìa khóa mở cửa Bát Quái Đài tại thế này.

Thực ra những lời chỉ dẫn này áp dụng cho tất cả mọi tín đồ chứ không riêng gì cho kẻ tu chơn.

Ngoài ra còn có một chương trong bộ Tân Luật Cao Đài có liên quan đến đời sống người tu chơn riêng về phương diện luyện Đạo, chương này gồm 8 điều khoản

và vài lời giới thiệu như sau:

Tịnh thất là nhà thanh tịnh để cho các tín đồ vào mà tu luyện.

Muốn vào nhà tịnh thất phải tuân y những điều lệ như sau:

- **ĐIỀU THỨ NHẤT:** Trong hàng tín đồ ai đã xử tròn nhưn đạo và giữ trai giới từ sáu tháng sắp lên thì được xin vào tịnh thất mà nhập định.
- **ĐIỀU THỨ HAI:** Phải có một người đạo đức hơn mình tiến dẫn và một người đạo hữu bảo hộ.
- **ĐIỀU THỨ BA:** Cấm không đặng thư tín vãng lai với người ngoài trừ ra thân nhân, song phải có người tịnh «*tịnh chủ*» xem trước.
- **ĐIỀU THỨ TƯ:** Cấm người ngoài không được vào nhà tịnh, chẳng luận là viên quan chức sắc cùng thân tộc tín đồ.
- **ĐIỀU THỨ NĂM:** Cấm không được chuyện vãng với người ngoài trừ ra cha mẹ và con cháu đến thăm, song cũng phải có phép người tịnh chủ cho.
- **ĐIỀU THỨ SÁU:** Nhập tịnh thất rồi phải tuyệt trầu, thuốc và không ăn vật chi ngoài mấy bữa cơm.
- **ĐIỀU THỨ BẢY:** Phải giữ cho chơn thần an tịnh đừng xao xuyến lương tâm. Phải thuận hòa không được tiếng lớn, phải siêng năng giúp ích cho nhau và dìu dắt nhau trong đường đạo.
- **ĐIỀU THỨ TÁM:** Phải tuân lệnh của một tịnh chủ, phải y theo giờ khắc đã định mà thực hành công phu tu luyện.

Có ba nơi luyện đạo là Trí Giác Cung độ chừng 7

cây số về phía Đông Nam Tòa Thánh Tây Ninh, Trí Huệ Cung độ chừng 9 cây số trên cùng một hướng, nơi thứ ba dự định sẽ xây cất trên núi Bà Đen độ chừng 8 cây số về phía Bắc Tòa Thánh, công cuộc kiến trúc chưa hoàn tất.

Đức Hộ Pháp Phạm Công Tắc khuyên mọi người nên bắt đầu hành đạo bằng cách phụng sự vạn linh trước đã, chỉ khi nào mình cảm thấy đã lập công, lập ngôn, lập đức đầy đủ thì mới có thể theo đuổi việc luyện đạo. Mọi sự bắt đầu quá sớm, trên con đường này trong khi ba thể xác thân, vía phách, trí não của người đệ tử chưa được chuẩn bị để có đủ khả năng đón nhận những nguồn năng lực huyền bí vốn là sức sống tuôn tràn xuống mãnh liệt sẽ đưa tới thất bại hoàn toàn.

III.- SỰ TRAU GIỎI TÂM LINH

Cho dầu chúng ta đi trên con đường nào cũng vậy, tâm linh vẫn là căn bản cho mọi hành động. Vì vậy hằng ngày người đệ tử Cao Đài có bốn phận phải trau dồi tâm linh cho đến mức độ lòng yêu thương, sự công chánh của Thượng Đế thấm nhuần trong tư tưởng. Đó là những nguyên tắc căn bản hết sức đơn giản, nhưng huấn luyện cho tinh thần người đệ tử trở nên đầy lòng yêu thương và công chánh lại là việc làm vô cùng khó khăn có lẽ còn khó khăn hơn lập một quốc gia nữa.

Có những phương pháp giúp người đệ tử tự trau dồi tâm linh mình dưới hình thức những hình luật của Giáo Hội và những bài kinh cho mỗi cá nhân trong những giờ hành lễ cũng như trong lúc làm việc hằng ngày, nó giữ cho tư tưởng và tình cảm của người đệ tử gắn với Thiên lý. Hình luật thì nghiêm cấm việc này việc nọ, khuyên nhủ điều kia, nếu ai vi phạm sẽ bị trừng

phật nghĩa là có người trông chừng giữ gìn hành vi của chúng ta. Vì lòng sợ hình phạt mà người đệ tử tự kiểm chế lấy mình và đi trên đường ngay chánh; còn kinh kệ thì dùng năng lực tinh thần của chính mình, của người khác, của Thượng Đế và các Đấng trọn lành mà đánh thức lòng mình, lập lại lời kêu gọi thống thiết một cách thường xuyên. Buổi đầu tâm linh nghe lời kêu gọi trong những giờ giấc nhứt định nhưng về sau nó càng được thúc giục nghe tiếp, những lời kêu gọi của Thượng Đế nhiều hơn và rộng rãi hơn trước khi hành động.

Sự trau dồi tâm linh không có giới hạn nào, chúng ta có thể ở cương vị một người tín đồ suốt đời, nhưng trình độ tấn hóa thì không bị ràng buộc trong tước phẩm.

Về luật hình thì có Ngũ Giới Cấm và Tứ Đại Điều Qui áp dụng cho tất cả tín đồ, dầu ở cấp bậc nào cũng vậy.

NGŨ GIỚI CẤM

1. **Nhứt bất sát sanh** là chẳng nên sát hại sanh vật.
2. **Nhi bất du đạo** là cấm trộm cướp, lấy ngang, lường gạt của người, hoặc mượn vay không trả, hoặc chứa đồ gian, hoặc lượm lấy của rơi, hoặc sanh lòng tham của quấy, để ý hại người mà lợi cho mình, cờ bạc gian lận.
3. **Tam bất tà dâm** là cấm lấy vợ người, thả theo đàn đỉm, xúi giục người làm loạn luân thường, hoặc thấy sắc dậy lòng tà, hoặc lấy lời gieo tình huê nguyệt [vợ chồng không gọi tà dâm].
4. **Tứ bất tửu nhục** là cấm say mê rượu thịt, ăn uống quá độ rối loạn tâm thần, làm cho não động xóm làng, hoặc miệng ước rượu ngon bụng mơ đồ mỹ vị.
5. **Ngũ bất vọng ngữ** là cấm xảo trá láo xược, gạt gẫm

người, khoe mình, bày lỗi người, chuyện quấy nói phải, chuyện phải thêu dệt ra quấy, nhạo báng chê bai, nói hành kẻ khác, xúi giục người hờn giận kiện thưa xa cách, ăn nói lỗ măng thô tục, chửi rủa người hủy báng tôn giáo, nói ra không giữ lời hứa.

TỨ ĐẠI ĐIỀU QUI

- 1. Phải tuân lời dạy của bề trên chẳng hồ chịu cho bậc thấp hơn điều độ, lấy lễ hòa người, lỡ lầm lỗi phải ăn năn chịu thiệt.*
- 2. Chớ khoe tài đừng cao ngạo, quên mình làm nên cho người, giúp người nên Đạo, đừng nhớ cừu riêng chớ che lấp người hiền.*
- 3. Bạc tiền xuất nhập phân minh, đừng mượn vay không trả, đối với trên dưới đừng lờn dễ, trên dạy dưới lấy lễ, dưới gián trên đừng thất khiêm cung.*
- 4. Trước mặt sau lưng cũng đồng một bực, đừng kính trước rồi lại khi sau.*

Đừng thấy đồng đạo tranh đua ngôi mà xem không để lời hòa giải, đừng lấy chung làm riêng, đừng vụ riêng mà bỏ việc chung, pháp-luật phải tuân, đừng lấy ý riêng mà trái trên dễ dưới, đừng cậy quyền mà yếm tài người.

Còn về kinh kệ thì ngoài những bài xưng tụng công đức của Đúc-Chí-Tôn, các vị Phật, Tiên, Thánh đọc trong các thời cúng nhứt định, còn có những bài kinh khác có tác dụng nhắc nhở người đệ tử biết kính trọng Quyền Năng Thiêng-Liêng hằng ở bên mình, tự kềm chế lấy mình, sửa lại lỗi lầm, mở rộng lòng yêu thương, v.v..., đó là những bài kinh.

- Sám hối.

- Giới tâm kinh.
- Xưng tụng công đức Thần, Thánh, Tiên, Phật.

Tôi đặc biệt chú ý đến những bài kinh Thế-Đạo mà phần đông tín-đồ dường như quên lãng hoặc vì lười biếng hoặc vì bận rộn với sinh kế hằng ngày. Sau đây là những ý tưởng chánh rút ra từ những bài kinh đó, trong bản Việt Ngữ xin để nguyên văn.

KINH KHI THỨC DẬY

Vừa mở mắt giựt mình thức dậy,
Con mang ơn cúi lạy Từ-Bi.
Tử sanh, sanh tử là chi,
Gẫm trong giấc mộng cũng bì như nhau.
Đầy tới sáng xôn xao dưới thế,
Những đua chen kiếm kế sanh nhai.
Có thân giữa chốn đọa đày,
Đếm ba vạn sáu ngàn ngày khó khăn.
Xin Từ-Phụ ra ân cứu độ,
Tặng huyền-linh giác-ngộ chí thành.
Rõ phước đức biết tội tình,
Nắm tâm đắp vũng mặt thành Càn-Khôn.
Trên nhờ có Chí-Tôn che chở,
Thần, Thánh, Tiên, Phật hộ thân hèn
Đường tu nổi bước cho quen,
Xa trần tắm tối cận đèn Thiêng-Liêng.

NAM MÔ CAO ĐÀI TIÊN ÔNG ĐẠI BỒ TÁT MA HA TÁT

[Niệm 1 lần]

KINH KHI ĐI NGỦ

Các vật-dục xảy ra một buổi,
Cả hành vi lầm lỗi khôn ngừa.
Sắp mình cúi lạy xin thưa,
Ởn trên Từ-Phụ cho chừa tội khiên.
Trong giấc mộng nghỉ yên hôn phách,
Đấng Thiên-Liên năng mách bảo dùm.
Bồng-Lai Cực-Lạc chỉ chừng,
Đẩy đưa xác tục dựa gân cõi linh.

NAM MÔ CAO ĐÀI TIÊN ÔNG ĐẠI BỔ TÁT MA HA TÁT.

KINH KHI RA ĐƯỜNG

Thân vận động trong trường thế sự,
Đạo nhơn luân cư xử cùng đời.
Đòi phen lúc biến khi dời,
Thân như bèo bọt giữa vời linh đình.
Dòm thấy cuộc kinh-dinh dưới mắt,
E trở tâm tánh bất đổi thay.
Con xin nương bóng Cao-Đài,
Bước ra một bước cảm hoài căn tu.
Gót chơn đưa rũi như sát mạng,
Vật hữu linh phạm nhãn khôn soi.
Xin tha họa gởi tai rơi,
Hồn linh nhờ có ởn Trời chứng minh.
Đại-Từ-Phụ oai linh bảo hộ,
Những chông gai quét ngõ ven đường.
Đi an-khương, về an-khương,
Cõi Thiên, cảnh tục cũng đường chung nhau.

NAM MÔ CAO ĐÀI TIÊN ÔNG ĐẠI BỔ TÁT MA HA TÁT.

KINH KHI VỀ

*Cảm-tạ Ông Trên đầu diu đỡ,
Từ khi đi khi trở lộn về.*

*Đặng xong phận sự mọi bề,
Tâm tu lại vững chẳng hề lãng xao.*

*Những nhớ bước Động Đào buổi trước,
Những nhớ khi Hớn rước Diêu-Trì.*

*Gần-Ta-Ca, đỡ bước đi,
Ra thành Phật-Tổ gặp kỳ ly cung.*

*Dẩy xe trâu Côn-Lôn trời bánh,
Lý Lão-Quân mong lánh phong trần.*

*Núi Ô-Li-Vê để dấu chân,
Gia-Tô Giáo-Chủ giải phần hữu sanh.*

*Con nguyện xin Khuôn Linh giúp sức,
Bước ta-bà giục thúc huệ quang.*

*Lòn thân dưới phép sâu than,
Tìm phương cứu khổ mở đàng giải căn.*

NAM MÔ CAO ĐÀI TIÊN ÔNG ĐẠI BỔ TÁT MA HA TÁT.

KINH VÀO HỌC

*Đại-Từ-Phụ xin thương khai khiếu,
Giúp trẻ thơ học hiểu văn từ.*

*Gần điều nên lánh lẽ hư,
Nường gương thân huệ đặng trừ nghiệt căn.*

*Dò đường Thánh khó khăn chẳng ngại,
Tùng khuôn hồng nhỏ đại lớn khôn.*

*Buộc yêu thương bạn đồng môn,
Nghĩa nhân vẹn giữ xác hồn trăm năm.*

Nguyện Tam Cang gìn tâm trọn Đạo,
Nguyện Ngũ Thường hiếu thảo làm khuôn.
Nguyện nên hưởng hỏa tông đường,
Nguyện thương lê thú trong trường công danh.
Cầu khẩn Đấng Chơn-Linh nhập thể,
Đủ thông minh học lễ học văn.
May duyên gặp hội Long-Vân,
Thuyền thơ ngọn gió Các-Đằng xuôi đưa.

NAM MÔ CAO ĐÀI TIÊN ÔNG ĐẠI BỔ TÁT MA HA TÁT.

KINH VÀO ĂN CƠM

Giữa vạn vật con người một giống,
Phải uống ăn nuôi sống thân phàm.
Từ-Bi ngũ cốc đã ban,
Dưỡng nuôi con trẻ châu toàn mảnh thân.
Công Thần-Nông hóa dân buổi trước,
Dạy khôn ngoan học chúc canh điền.
Nhớ ơn bảo mạng Huyền-Thiên,
Con mong mượn xác đoạt quyền vĩnh sanh.

NAM MÔ CAO ĐÀI TIÊN ÔNG ĐẠI BỔ TÁT MA HA TÁT.

KINH KHI ĂN CƠM RỒI

Nguyện nhớ ơn Nông-canh nhần nhọc,
Nguyện ơn người lúa thóc giã xay.
Ngậm cơm ơn ngậm hàng ngày,
Nên người con nguyện ra tài lợi sanh.
Con cầu xin mãnh hình tráng kiện,
Giúp nên công xây chuyển cơ Đời.
Trên theo pháp luật Đạo Trời,

Dưới thương sanh chúng một lời đĩnh ninh.

NAM MÔ CAO ĐÀI TIÊN ÔNG ĐẠI BỔ TÁT MA HA TÁT.

Ngoài ra còn có Kinh Thuyết Pháp, Kinh Nhập Hội, Xuất Hội và nhiều bài kinh khác nữa, đọc vào các dịp tang, hôn. Kinh Cứu Khổ, cầu khẩn sự hộ trì của Thiêng-Liêng khi gặp nạn ốm đau hay điều chi thống khổ.

IV.- SỰ HUẤN LUYỆN THỂ XÁC

Song song với sự trau dồi tâm linh bằng phương pháp thần quyền và tâm lý, tôi nhận thấy có vài lời chỉ dẫn về một phương pháp tập thể dục mừng tượng như phép yo-ga áp dụng cho các tín đồ ở bậc hạ thừa. Tuy nhiên phương-pháp này không được phổ thông vì nó đòi hỏi sự cố gắng triền miên của cả thể xác lẫn trí não và một thời giờ rỗi rảnh tối thiểu.

Theo sự nhận xét của riêng tôi, sự luyện tập này nhằm huấn luyện cho thể xác người đệ tử quen với những năng lực thần bí sẽ được thọ truyền sau này nếu họ tỏ ra xứng đáng và tập cho xác thân đủ sức chịu đựng sự sai khiến của trí não khi cái thể này của con người bắt đầu hướng thiện. Sự nuôi dưỡng cơ thể bằng thức ăn chay cũng là một trong những cách luyện tập thể xác nhằm đưa đến mục đích này. Xin nhắc lại rằng **khi Đệ Nhị Xác Thân tức là cái gạch nối giữa Thể Xác và Linh Hồn đã thật sự hướng về Thượng-Đế thì người đệ-tử sẽ cảm thấy những sự thôi thúc kỳ lạ tự nội tâm buộc xác thân phải làm việc này việc nọ, phải hy sinh rất nhiều cho kẻ khác.** Nếu thể xác không được huấn luyện dần dần từ trước thì nó dễ chống lại ý muốn của linh hồn và ngăn cản không cho tư tưởng lành trở thành hành động thiện.

Dĩ nhiên không ai tránh khỏi trận chiến theo kiểu này trong đời sống nội tâm, nhưng nếu thể xác được huấn luyện cẩn thận theo đường lối tu hành từ trước thì cường độ ác liệt của sự tranh đấu sẽ giảm bớt và ý muốn của Linh Hồn sẽ dễ-dàng chế ngự được Thể Xác từ việc nhỏ nhất trong đời sống cá nhân đến những quyết định trọng đại giải quyết các vấn đề nhân sinh.

CHƯƠNG BỐN

VÀI TƯ-TƯỢNG ĐẠI-ĐỒNG

I.- TRƯỜNG HỌC NĂM LỚP:

Đạo Cao-Đài là một trường học có năm lớp ai thích học lớp nào cũng được. Đó là năm lãnh vực hoạt động mà đối tượng là:

- Đời sống cá nhân và gia-đình đối với xã hội.
- Đời sống quốc-gia đối với cộng-đồng quốc-tế.
- Sự Thánh-thiện hóa loài người.
- Con người và những hoạt-động trong Cõi Hư Linh.
- Sự giác ngộ chúng sanh

Con người không phải là một cá thể biệt lập, mà là một phần tử của gia- đình, của quốc-gia, của xã-hội, của loài người, của Vạn Linh và của Vũ-Trụ. Vì vậy, năm lớp học không phải là năm lớp học riêng rẽ do năm ông thầy điều khiển bằng phương pháp riêng của mỗi ông mà phải đứng bên cạnh nhau vì một sự bắt buộc nào đó. Năm lớp học do một ông Thầy điều khiển, ông Thầy lựa chọn môn sinh nào có cùng ý hướng nổi bật về một trong năm đối tượng nầy thì cho học chung một lớp, làm lớp học đầu tiên. Khi người đệ-tử bắt đầu thấy thích học trong trường học nầy ông Thầy sẽ hướng dẫn họ đi qua các lãnh-vực còn lại trong bốn lớp kia, sau cùng người đệ-tử chỉ thấy mình học một trường không phân chia lớp.

Có lẽ chư-huynh thấy đạo Cao-Đài khác với một hội dung hòa các tôn-giáo. Phật-Giáo không còn là một tôn-giáo đứng cạnh bên Khổng-Giáo hay Thiên-Chúa-Giáo với những sắc thái đặc biệt của nó trong cái nhà Cao-Đài. Các bài vở giảng dạy trong năm lớp học mà tôi vừa nêu trên đều cùng đi theo một chiều hướng duy nhất và vì vậy chỉ có một trường đối với môn sinh đã đỗ đạt và dường như có năm lớp đối với học trò mới ghi tên. Xin chư huynh đừng thắc mắc tại sao ngay những dòng giới thiệu của chương này đã viết “*Đạo Cao-Đài là trường học có năm lớp ai thích học lớp nào cũng được*” rồi bây giờ lại kết luận không có năm lớp. Năm ấy là một mà một ấy là năm và dĩ nhiên cũng không phải bắt cứ người đệ tử Cao-Đài nào đều thấu triệt được cái tinh hoa giáo lý này.

Thường thường khi tiếp xúc với họ chư-huynh có thể nhận thấy sự nổi bật của một vài đối tượng trong tư tưởng họ hoặc vì họ cho rằng cần phải bàn với chư huynh về đề tài nào đó thôi hoặc vì chính họ chỉ thấy một đối tượng nào đó là quan trọng hơn hết.

Có người chỉ chú tâm đến việc giáo-dục con cái trong gia đình và dường như họ theo Đạo Cao-Đài chỉ vì mục đích ấy.

Có người thích ổn định tình thế quốc gia, tham gia vào các sinh-hoạt chính-trị những mong sẽ dùng ảnh hưởng của tập thể này mà chấn-chỉnh dần dần các cơ cấu quốc-gia hay ít ra một cá nhân cũng có thể đem cái tinh hoa của giáo-lý Cao-Đài áp dụng vào một lãnh vực giải quyết các công việc nhà nước sao cho thuận cùng Thiên-ý và hợp với nhơn-sanh. Hai quyền năng mà họ phải dung hợp luôn luôn là quyền của Thượng-Đế và

quyền của con người khi giải quyết bất cứ việc gì dù nhỏ dù lớn thuộc về đời sống quốc-gia. Thường những người đệ tử tự lao mình vào lãnh vực này phải gánh chịu những hậu quả thê thảm cho xác thân gây ra bởi sự xung khắc về tư tưởng với những kẻ có quyền bính của thế gian muốn xu hướng về đường vật chất. Điều này cũng dễ hiểu vì trong các thế kỷ gần đây hầu hết những nhà cai trị không phải là những “*Thái-Tử Sĩ-Đạt-Ta*” rời khỏi cung vàng điện ngọc đi tìm chơn lý để trở về lên ngai trị vì muôn dân với cái nhìn và nghĩ của kẻ đã giác ngộ. Về phương diện xã-hội những kẻ đây lòng tham vọng thường chỉ thấy Đạo Cao-Đài như một lợi khí đấu tranh cần phải tiêu diệt hoặc cần phải lợi dụng trong một giai đoạn nào đó, và đây là một vấn đề thuộc khoa học chính trị nên trong quyển sách này không đề cập đến nhiều hơn.

Lại có những người đệ-tử luôn luôn tìm kiếm trong giáo lý Cao-Đài những lời chỉ dẫn về các phương pháp huấn luyện cho con người trở nên hoàn hảo hơn. Đối với họ, Thiên Đàng và Địa Ngục dường như là cái gì xa xôi lắm, con người mới là quan trọng, làm thế nào cho con người càng ngày càng tốt hơn thế cũng đủ lắm rồi.

Rồi cũng có những người Cao-Đài quanh năm suốt tháng chỉ chú trọng đến đời sống nội tâm. Dường như họ lạnh nhạt đối với thế giới bên ngoài. Đối với các nhà xã hội hay chính trị gia, họ có thể là những phần tử không đáng kể nhưng đối với các nhà thần học thì sự có mặt của họ cũng rất cần thiết đối với sự duy trì đời sống trên mặt địa cầu này, cũng cần thiết như bàn tay, khối óc sản xuất ra cơm gạo nuôi sống mảnh hình hài vậy.

Và sau cùng chư huynh cũng có thể tìm thấy, dù rất

ít những người đệ-tử đã giác ngộ mà hành động của họ trải ra trên khắp các địa hạt, từ đời sống cá nhân, gia đình, đến xã hội, quốc gia, quốc tế, trong các cảnh giới siêu phàm từ lòng đất các loài khoáng chất, cỏ cây, thú cầm, loài người, các đẳng cấp Chơn-Linh, ma quỷ, Thần Thánh, đầu đầu cũng đều có mặt họ. Hành động, tư tưởng, lời nói của họ, sự bình an tỏa ra từ người họ thấy đều có tác dụng nâng đỡ cơ sanh hóa, tức là sự duy trì và phát triển đời sống của tất cả mọi sinh vật Hậu Thiên.

Năm hạng người vừa nêu trên đều cùng đi trên một con đường duy nhất đã được các vị giáo-chủ xưa nay vạch sẵn và bây giờ Đức Chí Tôn giáng trần, Ngài lọc lựa những dị biệt và lấy cái tinh hoa của tất cả giáo thuyết trên hoàn cầu truyền dạy cho chư đệ-tử cùng với một vài tiết lộ về Thiên cơ bí ẩn mà loài người đã tiến bộ đến một mức có đủ khả năng hiểu biết và tiếp thu được. Những bức tường ngăn cách do các môn đồ của các vị Giáo-chủ xây dựng nên đã bị Đức-Chí-Tôn phá bỏ trong hệ thống tư tưởng của người đệ-tử Cao-Đài. Ngài đã dạy

Vốn từ trước Thầy đã lập ra Ngũ Chi Đại-Đạo là:

- *Nhơn Đạo.*
- *Thần Đạo.*
- *Thánh Đạo.*
- *Tiên Đạo.*
- *Phật Đạo.*

“Tùy theo phong hóa của nhân loại mà gây thành chánh giáo là vì khi trước Càn vô đắc Khôn vô đắc duyệt thì nhơn loại duy có hành đạo nội tư phương mình mà thôi.

“Còn nay thì nhơn loại đã hiệp đồng Càn-Khôn dĩ tận

thức thì lại bị phân nhiều đạo ấy mà hơn loại nghịch lẫn nhau nên Thầy mới nhứt định qui nguyên phục nhứt.

“Thầy nhứt định đến chính mình Thầy độ rỗi các con chẳng chịu giao chánh giáo cho tay phàm nữa”

Chúng ta biết rằng có biết bao nhiêu người từ khắp các nơi trên thế giới đã cố gắng dung hòa tư-tưởng hơn-loại, họ là những sứ giả của Thượng-Đế báo trước sự xuất hiện của Ngài trong Tam-Kỳ Phổ-Độ này, chính sự có mặt của Thượng-Đế là yếu tố quan trọng trong sự thành công của Đạo Cao-Đài. Ngày xưa Ngài Chuông-Quản một trường học năm lớp, mỗi lớp trên một phần đất của địa cầu, bây giờ Ngài vẫn làm công việc đó, Ngài mang tất cả những người trên các vùng đất khác nhau đặt chung vào một trường, Ngài hủy bỏ những tấm vách tường phân chia phòng học, Ngài giảng chung cho tất cả đệ-tử những bài học thích hợp cho từng hạng người, tức là áp dụng chân lý vào từng lãnh vực. Trong khung cảnh như vậy tự nhiên Ngài không còn là Thầy của riêng ai mà Ngài là Thầy của tất cả hơn loại.

Hơn loại sẽ biết rằng ngày xưa họ đã học với chính Ngài qua hình ảnh của những sứ giả Ngài và bây giờ chính Ngài đến để xác nhận điều đó. Và đó cũng là điểm khác biệt quan trọng giữa Đạo Cao-Đài, một tôn giáo do chính Đúc-Chí-Tôn sáng lập với một hội dung hòa các tôn giáo có cùng mục đích rất tốt đẹp nhưng do sự cố gắng của con người mà nên.

II.- TRẬT TỰ THIÊN NHIÊN CỦA XÃ-HỘI LOÀI NGƯỜI

Trên mặt địa cầu này không có chi là tuyệt đối. Mọi việc đều đã được an bày theo một trật tự thiên-nhiên

bất di bất dịch gọi là Pháp. Một đứa bé sinh ra đời nó lớn lên, già rồi chết. Không một phép lạ nào có thể thổi cho đứa bé trong phút chốc trở thành một cụ già và giữ cho nó sống mãi mãi, không bao giờ chết. Cũng không có một quyền lực nào làm cho một hài nhi vừa lọt lòng mẹ biết suy nghĩ, khôn ngoan như một cụ già tám mươi. Nó phải có thời gian để học những kinh nghiệm khôn ngoan ở xã-hội này. Đó là trật tự của thiên nhiên.

Tổ chức xã-hội loài người cũng thế, Thượng-Đế đã ban cho mỗi cá nhân một Linh-Hồn hay Tiểu Linh Quang và ban cho toàn thể nhân loại một Đại Hồn. Mỗi Tiểu Linh Quang phải có thời gian để nó giác ngộ thì cái Đại Hồn của nhân loại cũng phải có thời gian mới trưởng thành, trật tự ấy dù ta có nhận hay không, nó vẫn hằng có, nó vẫn im lìm chi phối mọi hoạt động thế gian. Một đứa con ngỗ nghịch trong gia đình nói rằng nó không có cha, tự nhiên mà nó sinh ra, nó là chúa tể của gia đình, dù có nhận sự kiện đó hay không nó vẫn có cha và người vẫn phải lo lắng cho nó vì người là cha của nó.

Đó là trật tự của thiên-nhiên.

Thượng-Đế đã sinh ra loài người nhưng từ ngàn xưa cũng như bây giờ vẫn có những người từ chối không nhìn nhận Ngài và Ngài vẫn tiếp tục ban sự sống thể hài và tâm linh cho họ theo một định luật công bình vì Ngài là Cha, Ngài phải làm như vậy. Khổ trí thức tinh thần nhân loại dù có ngạo nghễ đến đâu, dù có nói rằng nó là chúa tể của vũ-trụ, nó vẫn phải có nguồn cội về sự khôn ngoan.

May thay, chẳng phải toàn thể nhân loại đều ngạo nghễ như vậy, nếu viện lẽ rằng sự khôn ngoan mà con

người đạt được hôm nay là do xã hội truyền lại qua nhiều thế hệ tiền nhân, thì đó chính là trật tự diễn tiến chứ không phải là nguồn cội nguyên thủy. Nếu nói rằng tinh thần tự vật chất mà sinh ra thì sự cấu tạo các nguyên tử vật chất cũng phải theo một trật tự nào đó mới lưu tồn, thử hỏi cái quyền năng nào đủ khôn ngoan để bày ra trật tự vận chuyển của các điện tử trong sự cấu tạo vật chất? Nói rằng xã hội loài người tiến bộ luôn luôn thì dĩ nhiên con người thời ăn lông ở lỗ chắc không khôn ngoan bằng bây giờ và làm sao có thể hiểu được rằng các thổ dân ở miền Bắc nước Nga, miền Nam nước Mỹ hay bất cứ một nơi nào khác trên địa cầu vào thời tiền sử lại chính là người bày vẽ ra cái trật tự vận chuyển của các hành tinh, các hạt điện tử, sắp đặt vị trí các vì tinh tú. Chẳng lẽ một khối óc ngu muội của người tiền sử lại là tác giả của những công trình sáng tạo huyền bí mà cho đến bây giờ chính con người, khôn ngoan dường ấy cũng chưa hiểu hết?

Dù con người có thừa nhận hay không, trong vũ trụ vẫn có nguồn cội của sự khôn ngoan, và sự khôn ngoan đó biết cách sáng lập trật-tự vận-hành tất cả mọi vật mà con người là một phần tử trong đó. Dù những đứa con thân yêu của Thượng-Đế có cố gắng quay mặt đi chỗ khác, dù nó muốn nhắm mắt lại để không nhìn thấy, dù nó muốn bịt tai lại để không còn nghe ai nói gì về nguồn cội ấy, dù nó tìm đủ mọi cách để bắt trí óc đừng suy tưởng về nguồn cội của trật tự an bày trong vũ trụ, dù nó có muốn làm gì đi nữa... thì nó vẫn từ đó mà sinh ra. Dù một đứa bé nói rằng nó từ đất nẻ chun lên, nó không có cha, không có mẹ và không thích nghe ai nói gì về cha mẹ nó, người ta biết rằng nó vẫn phải có

cha có mẹ. Dù con người có chấp nhận hay không cái trật tự an bày trong thiên nhiên thì sự sống chết của nó vẫn nằm trong định-luật ấy.

Người đệ-tử Cao Đài gọi nguồn cội của trật tự thiên nhiên ấy là Chí-Tôn, và sự hiểu biết về Ngài cũng phải theo một trật tự mà rõ ràng hơn với thời gian. Đó là lý do khiến có một vài khác biệt cần thiết trong lời giảng dạy của các vị Giáo-Chủ áp dụng cho một số môn đồ nào đó, trong một hoàn cảnh xã-hội nào đó, vào một thời gian nào đó. Các Ngài vẫn đồng nhất trong tâm linh nhưng môn sinh thì khác nhau về trình độ tấn hóa, trật tự ấy đòi hỏi phải có sự khác biệt trong lời giảng dạy. Những đứa con của Thượng-Đế không muốn nhìn Ngài bèn vịn vào đó mà đánh đổ các giáo thuyết và người đệ-tử Cao-Đài hiểu rằng sự tấn hóa của loài người phải trải qua những thời kỳ như vậy.

CHƯƠNG NĂM

SỰ HÒA HỢP GIỮA THỂ VÀ ĐẠO

ĐÂY XIN NHẮC LẠI TỔ CHỨC HỘI-THÁNH CAO-ĐÀI CÓ HAI CƠ QUAN HỮU HÌNH LÀ HIỆP-THIÊN-ĐÀI và CỬU-TRÙNG-ĐÀI. Hiệp-Thiên-Đài ấy là phần hồn của Đạo còn Cửu-Trùng-Đài là xác thân. Hội-Thánh tượng hình cho Thánh-thể Đức-Chí-Tôn tại thế nên hai cơ quan ấy tượng trưng cho hai phần vật-chất và tinh-thần của vạn loại. Sự hòa hợp giữa vật-chất và tinh-thần là điều tối cần thiết để duy trì sự sống trên mặt địa cầu này.

Sau đây là một đoạn trích trong quyển Pháp-Chánh-Truyền giải thích về điều đó.

“Cơ Tạo-Hóa chỉ có hai bí mật tối trọng, một là quan sát sự hữu hình, hai là xét đoán sự vô vi, quan sát sự hữu hình thì dễ mà xét đoán sự vô vi rất khó, hữu hình với vô vi chỉ phân nhau với màn bí mật, từ thuở tạo Thiên lập Địa đầu cho bậc trí thức như sanh đang tấn hóa lên bậc đại giác đi nữa cũng chưa hề có phương thể hé trọn vẹn màn bí mật ấy mà dòm qua phía vô vi cho đặng, nhưng như sanh đã có sẵn nơi tay một cái chìa khóa là xem cơ tương đắc của hữu hình và vô vi trong sự sanh hoạt của vạn vật. Vô vi và hữu hình phải hiệp làm một mới thuận theo cơ tạo, Trời đất có âm dương, vạn vật có thể phách, nhưn loại có xác hồn. Sự sống của vạn loại trong Càn-

khôn thể-giới chỉ nhờ có vật chất và tinh thần tương hiệp mới thành hình, cả Vật Chất hồn, Thảo Mộc hồn, Nhơn hồn, Thần hồn, Thánh hồn, Tiên hồn, Phật hồn đều khác đẳng cấp nhau, nên hình thể cũng biến sanh ra khác. Vật chất không giống Thảo Mộc, Thảo Mộc không giống Thú Cầm, Thú Cầm không giống Người, Người không giống Thần, Thần không giống Thánh, Thánh không giống Tiên, Tiên không giống Phật, Phật không giống Trời, nói tóm tắt một lời hình thể tâm thần đều khác hẳn.

“Vật Chất phải tùng lịnh Tinh Thần mà lập thành hình tượng. Cái có hiển nhiên là Hình Thể nhân loại cũng phải tùng Tinh Thần mà phân biệt đẳng cấp, kẻ hung bạo thì hình dung cổ quái còn người lương thiện thì tướng hảo quang minh, nhờ đó mà cổ nhơn xem tướng đoán tánh người.

“Xác phải phù hợp với Hồn cũng như Vật Chất phải phù hợp với Tinh Thần. Vật Chất vốn hữu hình mà Tinh Thần lại vô vi, vô vi cùng hữu hình phải tương đắc, thấy hữu hình đoán biết vô vi, biết vô vi mới định quyết hữu hình”

Và trong một dịp khác, Đúc-Hộ-Pháp Phạm-Công-Tắc đã thuyết minh trong một bài diễn văn luận về một khía cạnh triết lý của Đạo Cao-Đài hay là sự dung hợp giữa hai chủ thuyết duy tâm và duy vật. Đúc Ngài nói:

“Bản Đạo cũng muốn giảng về điều siêu việt về tinh thần đạo-đức hầu tóm cả chơn lý của các tư tưởng đối cùng Đức-Chí-Tôn, nhưng e sợ cao sâu mầu nhiệm nó sẽ quá sức cho sự đoán xét của thính giả mà biến thành ra tuồng mộng ảo nên quyết lấy cái thuyết hiển nhiên của Đạo đối cùng Đời đương giữa cơn tinh thần phát triển, sưu

tâm một mối tư tưởng phù hợp với trình độ trí thức như sanh đương nhiên, hầu giúp hay cho bậc cổ tâm tâm Đạo.

“Những cơ quan và những hành vi hiện tượng của các Tôn Giáo đương nhiên ngày nay như đương biến thành cổ vật nên đã mất cái hay để giúp đời tự tri tự giác, tâm hồn thiếu an ủi, tư tưởng mất phép chuẩn thẳng, trí thức không phù hợp hành động, biểu sao đời không trở thành một trường náo nhiệt rắc rối khó khăn, rồi giục cho cả như sanh dong ruổi trên con đường duy vật mà quên hẳn cái quyền vi chủ của trí thức tinh thần.

“Ôi! Thử nghĩ cái ngày nào trí thức tinh thần đã tiêu tụy thì cái lương tri, lương năng cũng do đấy mà điêu tàn, thì con người đứng giữa cõi trần hoàn này phải trở nên bao nả.

“Chúng ta duy buộc phải trả lời rằng: luật thiên nhiên tự bảo nó sẽ buộc mỗi cá nhân chuyên chú về sự sống. Hại thay! Cái sống ấy do nơi phép duy vật mà lưu tồn, thì con người chỉ sống hèn như con vật mà thôi.

“Bản Đạo chẳng cần luận thuyết chi sự phân biệt xa cách nhau như trời với vực của vật chất với tinh thần thì chư thánh giả cũng đủ hiểu về vật chất bốn nguyên hữu định thể, còn tinh thần thì tự chủ tự do. Ấy vậy vật chất có giới hạn chớ tinh thần vốn không giới hạn.

“Chúng ta lại thâm hiểu rằng: mỗi điều chi hữu-bốn hữu nguyên, hữu định thể, thì cái lớn cái nhỏ của nó, dầu hình dấu bóng cũng phải tùng theo mặt luật pháp định hành tàng. Hễ có bốn nguyên ắt có xứ sở cội nguồn, có định thể ắt có khuôn viên sắc tướng, nói tóm tắt hễ vật thì có chủ.

“Ấy vậy do quyền có chủ ấy, nó giục thành một trường

tranh đấu đua chen mà làm cho mặt thể đã biến thành nơi chốn chiến trường náo nhiệt.

“Sống của con vật là phải ăn mà sống, phải mặc mà sống, phải ở mà sống, sống một khuôn luật của sắt đá cỏ cây côn trùng điều thú. Như loại đã nghịch lẫn nhau, tàn hại lẫn nhau, giết bỏ lẫn nhau cũng do bởi chạy theo cái sống của con đường duy vật.

“Trái lại cái sống của tinh thần là cái sống tự chủ tự quyền, thì cái sống ấy không nguồn không cội, không luật, không hình, không bờ, không cũi, sống theo gió theo mưa, sống theo Trời theo Đất, sống với Càn-khôn vũ-trụ, sống với Nhật Nguyệt Tinh Quang theo một khuôn luật với cái sống vô ảnh vô hình của các tư tưởng bậc Thánh-hiền từ thượng cổ.

“Cái sống của con vật chỉ có hai bữa ăn mà sống còn cái sống của tinh thần vốn về độ lượng. Cái sống của vật chất ở tại bụng, cái sống của tinh thần ở tại óc, bụng với óc khác nhau thì hai cái sống cũng khác nhau đặc biệt.

“Cái vấn đề tương tranh của hai cái sống ấy, dầu cho trình độ trí thức như sanh đã đặng cao siêu tăng tiến dường nào cũng chưa xử trí và giải quyết thế nào cho đích xác.

“Dường như chúng ta phải biết hẳn rằng: hể bụng no thì óc rỗng, óc cứng thì bụng mềm, cuộc tương tranh này chưa có mặt Ông Tòa nào nghị án nổi.

“Ấy vậy cái thuyết duy vật với tinh thần từ thử chưa có một tôn giáo nào cầm đầu quyền hành dung-hợp.

“Có tôn-giáo thiên về mặt vô-vi phé vong hình thể, tức nhiên là đảng phái của tinh thần, lại cũng có nhiều tôn-giáo khác bị xu hướng hữu hình, còn vô vi thì vong

phế là tức nhiên làm môn-đệ của thuyết duy vật đã đành. Hai đảng phái ấy đương đầu, đương tranh đặng bĩa vào miệng thế tình những lẽ tà nổi chánh. Cũng vì do thuyết duy-vật tinh thần gây ra lắm điều quyền biến, một đảng là tôn chỉ từng luật điều khuôn viên duy vật, một đảng thì cậy huyền diệu nhiệm-mầu do tinh thần duy chủ, nhưng nhưn sanh từng giáo hai lý thuyết ấy vốn phải khác xa nhau dường như sao Khuê sao Dực.

“Hỏi đã có nảy sanh ra một vị Giáo chủ nào đủ đức tính, đủ quyền năng, đủ phép mầu, đủ trí huệ làm cho hai đảng phái ấy dung hòa mới mong mở đại đồng thế giới hay chăng?”

“Nếu chúng ta để cho tình tâm tịnh trí đặng tìm chơn lý của hai lẽ ấy cho hẳn hoi thì chúng ta dám cả tiếng phê rằng: sự xung đột của hai tư tưởng ấy thật ra chưa đích đáng, chẳng qua là một trường tranh luận tình cờ của tiền nhân lưu lại.

“Dưới ngọn đuốc văn minh chiếu diệu soi huệ trí sáng ngời giữa thế kỷ hai mươi này, chúng ta đã thấy quả quyết sự tương hiệp thân thiết của cơ quan hình thể với tinh thần thì chúng ta lấy làm ngạc nhiên cho sự quái dị cái nổi phân chia của thuyết tinh thần đối cùng hình thể. Chúng ta lại còn để tâm nghiên cứu nguyên do của hình vật tương phân bởi đâu mà sản xuất thì chúng ta lại thấy đặng bởi tư tưởng của Nho-giáo và Đạo-giáo mà nảy sanh, chẳng phải do nơi miệng của Đức Khổng-Phu-Tử hay là Đức Lão-Tử mà ra, mà lại do bởi những thuyết của các môn đồ của đôi nhà luận bác.

“Chưa có một quyền hành nào mà chia đặng trí tuệ riêng ra hình vóc của con người, thì chưa có một quyền

năng nào cả gan dám phân chia hình vật. Bởi vậy tinh thần và hình thể vốn là hai bộ phận cần yếu trong hệ của kiếp con người, nếu chiếu theo phép thiên nhiên thì đôi bên cùng một bản, **hễ có xác không trí thì điên, mà hễ có trí không xác thì dị.**

“Đời là hình duy vật, Đạo là bóng của trí thức tinh thần. Vậy thì phép Đời Đạo vốn đồng, cơ tạo thể phải có công Đời cùng nghiệp Đạo.

“Đạo Cao-Đài là một tôn giáo do lương tâm vi bốn lấy cả triết lý của toàn cầu làm căn bản hầu làm trung gian cho các tư-tưởng hiệp đồng đặng diu dắt nhưn sanh hồi bốn thiện.

“Ngoài ra pháp luật định quyền luật của thiên lương thì để cho mỗi cá nhân đặng tự do tư tưởng, chẳng cần luận giải chư thánh giả cũng đủ biết rằng cái tư tưởng vốn vô cùng chiếu theo thời thế của Đời đặng nâng đỡ trí thức của nhưn sanh tạo thời cải thế, nên hiểu rằng nghĩa lý chữ Đạo là đường duy nhất của tâm lý nhưn sanh, bắt buộc phải nhìn nhận rằng phải để cho tinh thần đặng tự do tín-ngưỡng, miễn là làm thể nào cho Đạo thuận cùng Đời, Đời không nghịch Đạo mới gọi là lý thuyết cao siêu làm cho thái bình tâm lý.

“Thái bình tâm lý đặng, mới làm cho thái bình thiên hạ đặng. Thái bình thiên hạ đặng mới làm cho đại đồng thế giới đặng.

“Giữa buổi hoàn cầu đang xôn xao chen lẫn trong bước tiến bộ văn minh loạn hàng thất thú, tùy theo tài lực của mỗi nước trong vạn quốc, có văn hóa, có dã man, có tài hay, có tục dở, phẩm giá vốn không đồng, nếu lấy giá trị hữu hình của mỗi nước đặng định phân thì ắt khó

mong làm cho cả nhơn sanh hiệp chủng.

“Tài lợi không đồng, phương diện không đồng, xã-tắc không đồng tức nhiên buộc chính trị cũng không đồng, cái chính sách hiệp quốc hiệp quần chưa đủ kể hay mà vĩnh cửu, xin nói hẳn rằng nếu đem giá trị hữu-hình của mỗi nước trên cân công bình của vạn quốc toàn cầu định nặng nhẹ thấp cao thì là phép giục thêm hại, so hơn tính thiệt. Tưởng khi dầu cho nhà chính-trị đại tài nào là bôn xu trên con đường vật chất, mong mỗi cho thiên hạ hòa bình thì tỷ chẳng khác nào đem cung Trăng thay mặt đất, chẳng qua lập phương lừa dối lẫn nhau, mượn chức khéo đặng tranh quyền giữ thế.

“Ngày nào cả nhơn sanh biết rằng con người chẳng phải sanh ra để vụ tất lấy cái sống theo con vật gọi là hạnh phúc khéo khôn, trái lại phải coi mạng sanh là báu trọng, biết kính nể nhau, biết thương yêu nhau, biết binh vực nhau, biết nuôi sống nhau, lại lấy phận sự cao thượng ấy đặng làm cái Đạo của người thì ngày ấy là ngày của toàn nhơn sanh đều hạnh phúc.

“Tưởng lại tương lai của Đạo Cao-Đài do nơi cái sở hành và cái tư-tưởng cao thượng của nó, ngày nay nó có thể hứa với nhơn sanh rằng chúng ta sẽ hưởng đặng điều hạnh phúc ấy.”

Áp dụng tinh thần triết lý ấy vào việc giải quyết các vấn đề nhân sinh trong hoàn cảnh xã-hội Việt-Nam, người đệ-tử Cao-Đài chủ trương nhập thế trong tinh thần thoát tục. Họ bằng lòng đảm trách hết tất cả mọi công việc từ trong gia đình đến xã-hội, từ quốc-gia đến quốc-tế, từ đời sống vật chất miếng ăn thức uống manh quần tằm áo đến những pháp thuật huyền-bí và sự tìm

tòi những bí mật của Tạo Đoan bằng những cơn thiên định và những chuyến xuất thần viễn-du Thiên cảnh. Tất cả những hoạt động ấy đều nhằm một mục đích nâng đỡ cơ sanh hóa vạn linh và giải quyết cái khó của cuộc đời.

Nhà chính trị, kinh tế gia, các chuyên viên xã-hội, kẻ cầm cương lên ngựa.... mỗi hạng người đều có phương thế riêng để giải quyết sự khó của trường đời và họ thường kêu gọi người đệ-tử Cao-Đài đứng về phe của họ, hành động và suy nghĩ y như họ mới là đúng. Thực ra bởi triết lý đạo giáo định hướng cho hành động nên người đệ-tử giải quyết các vấn đề liên quan đến chữ khổ trên căn bản dung hợp giữa tinh thần và vật chất, nghĩa là phải làm sao thỏa mãn những đòi hỏi thúc bách của đời sống vật chất mà không rời bỏ giáo điều vốn do tinh thần mà nảy sinh.

Trong đời sống cá nhân, xu hướng cung ứng cho thể xác những khoái cảm triền miên về dục vọng và quên đi đời sống tâm linh cùng những phương pháp huấn luyện để đánh thức linh hồn đang mê ngủ không được chấp nhận.

Trong đời sống quốc tế sự đô hộ về hành chánh hay kinh tế, nắm chặt quyền phân phát áo cơm để buộc xác thân phải tùng phục bạo quyền và giết chết lần hồi đời sống tâm linh bằng cách kềm hãm sự phát triển của nó, cũng không được chấp nhận.

Ngay trong thời kỳ Pháp còn đô hộ Việt-Nam và những người đệ-tử Cao-Đài vẫn nuôi hy vọng quật khởi, hy vọng ấy thành hình sau này khi các lực lượng quốc-gia kháng Pháp nắm được quyền độc lập tạm thời ngày 9-3-1945, trong một đàn cơ Đúc-Chí-Tôn chỉ dạy về sự

tương ái của hai dân tộc Pháp Việt như sau:

“Thầy muốn sao cả hai được hòa hiệp nhau mãi mãi. Giáo lý của Thầy có mục đích dạy dỗ các con hòa-hợp nhau trong sự sống chung cộng đồng quyền lợi và sinh-hoạt. Vậy các con hãy chung hiệp nhau mãi mãi theo ý muốn của Thầy và hãy truyền bá khắp hoàn cầu thuyết hòa bình tương thân tương ái.”

Sự hòa hợp giữa tinh thần và vật chất thể hiện rõ rệt nhất trong đường lối Phước-Thiện Cao-Đài. Đó là một tổ chức đời sống tập thể trong cộng đồng kinh tế, có khuynh hướng hạn chế quyền tư hữu cá nhân trên căn bản vì thương yêu mà tự hiến dâng quyền tư hữu của mình để cảm hóa lòng tham của kẻ ác, để gia tăng mức sản xuất hầu có đủ nhu cầu nuôi nấng thi phàm của kẻ ác, của người lành cũng như của chính mình. **Người đệ-tử tự mình hiến dâng trọn cuộc sống để làm việc phụng sự vạn linh, cái chức vụ đích thực của họ là một người đầy tớ cho tất cả con cái Chí-Tôn.**

Họ sống hợp quần để gây thêm sức mạnh hầu bảo vệ nếp sống đạo-đức để có đủ phương tiện trau luyện đời sống tâm linh cho nên chí Thánh mà đoạt phẩm vị Thần, Thánh, Tiên, Phật, tại thế gian này.

Tình yêu thương, sự công bình vẫn là căn bản lý thuyết của đường lối này, ngày giờ nào và bất cứ nơi đâu nếu hai yếu tố đó cùng mất đi thì các nhà xã hội học vẫn có thể thấy một lối sống tương tự như vậy về hình thức, nhưng đó không phải là đường lối Phước-Thiện Cao-Đài.

Ngoài ra một tổ chức khác vừa mới được thành lập cách đây bốn năm nhằm mục đích mở rộng tầm hoạt động của Hội-Thánh sâu vào các tầng lớp quần chúng,

trực tiếp liên hệ đến các vấn đề xã-hội, tổ chức nầy mệnh danh là “*Ban-Thế-Đạo*” đặt dưới sự hướng dẫn của chi Thế trong Hiệp-Thiên-Đài.

Hoài bão thực hiện sự hòa hợp đạo đời được ghi rõ trong bản qui-điều như sau:

“Ban Thế Đạo là cơ quan thuộc về phần đời bắt nguồn từ cửa Đạo phát xuất làm dây nối cho Đạo Đời tương đắc, tương liên ngõ hầu tạo lập một đời sống thanh bình cho nhân loại trong thời kỳ chuyển thế.”

Có bốn phẩm vị dành cho người đệ-tử hành đạo theo lối nầy là:

- Hiền-Tài.
- Quốc-Sĩ.
- Đại-Phu.
- Phu-Tử.

Hiền Tài là một phẩm thấp nhất, những người trong Ban-Thế-Đạo có thể còn đang đảm trách những phần vụ ngoài xã hội và không bắt buộc phải phế đời hành đạo. Phần lớn họ là những nhà trí thức, thương gia, sĩ quan, những nhà chính trị, các danh nhân. Bốn phận của họ là phải tìm đủ phương thế trợ giúp các hoạt động của Hội-Thánh tùy theo khả năng chuyên môn của mỗi người. Họ được phép tham dự tất cả những sinh hoạt nhà nước với tư cách cá nhân hay nhân danh đoàn thể họ tùy trường hợp và tùy sở thích của mỗi người.

CHƯƠNG SÁU
KẾT LUẬN

TU HÀNH THẬT SỰ CÓ GIẢI THOÁT CON NGƯỜI ĐƯỢC KHÔNG? PHẦN KẾT LUẬN CỦA QUYỂN SÁCH NÀY SẼ bàn đến. Những con đường vừa trình bày trên đây có đảm bảo một sự thành công chắc chắn cho người đệ-tử không?

Tôn-giáo tự nó chỉ là một môi trường, phương tiện giúp cho con người dễ dàng tháo bỏ những ràng buộc xung quanh mình trong cuộc sống hồng trần hầu đạt đến mức tối cao là sự giải thoát toàn vẹn con người. Không ai có thể ban cho mình sự giải thoát toàn vẹn nếu không có sự cố gắng của chính mình. Đức-Chí-Tôn hay Thượng-Đế chỉ giúp cho con người đạt đến cái đích tối thượng ấy, còn sự thành công hay không tùy ở mỗi cá nhân. Một lời dạy trong giáo lý Cao-Đài đã minh định rõ rằng nếu chúng ta không tu thì chính mình Chí-Tôn cũng không thể bỗng ẵm lên đặng. Những lời nói quá quyết về sự thành công khi theo Đạo của nhà truyền giáo khi khuyến dụ kẻ khác nhập môn chỉ có tác dụng tạo cho con người niềm tin vững chắc làm điều kiện cần thiết cho sự thành công mà sự thành công ấy do những cố gắng liên tục của chính mình cùng với sự trợ giúp từ bên ngoài kể cả quyền lực Thiên Liêng.

Con đường của người đệ-tử Cao-Đài cũng như con đường của những môn đồ các tôn giáo khác vẫn phải nằm dưới định luật ấy.

Tôn giáo tự nó không phải là một chướng ngại cho sự tiến bộ của xã hội mà là phương thế giục tấn cho toàn thể vạn linh.

Trong cuộc tranh đấu để sanh tồn trên mặt đất có nhiều yếu tố bị mất đi đồng thời phát sinh những lợi ích. Lẽ vô thường ấy của Tạo-Đoan vẫn chi phối tất cả mọi người dù có tu hay không cũng vậy, nhưng nếu phải lựa chọn giữa cái được và cái mất thì tôn giáo là phương lược lừa một kết quả thích hợp của nhiều lợi và ít hại. Nó được sáng tạo nên bởi những khối óc phi phàm của tiên nhân và bởi huyền-linh của Thượng-Đế để tạo cho xã hội một sự tiến bộ nhanh hơn về thời gian, hạnh phúc hơn về phẩm lượng. Nhưng tiếc thay, vì con người thường hay thích sống cho hiện tại hoặc quá khứ hay tương lai chớ ít khi thích sống trong trường cửu nên chẳng hạn, họ đã bằng lòng:

– Mất hai, được ba để còn một.

hơn là:

– Mất một được hai để còn một.

Tỷ lệ $\frac{2}{3}$ (= 0,666) giữa cái mất và được của đời vẫn còn lớn hơn $\frac{1}{2}$ (= 0,500) của đạo và ngược lại.

Tỷ lệ $\frac{3}{2}$ (= 1,5) giữa cái được và cái mất của đời vẫn nhỏ hơn $\frac{2}{1}$ (= 2,0) của đạo.

Thế nên, xã hội vẫn còn đầy dẫy những sự đau khổ, bất công và phi lý. Vậy thì con đường chỉ là con đường mà khách lữ hành mới thật là người đi và sự giải thoát

nằm ở cuối con đường ấy và bắt đầu ở từng bước đi.

KIỂM DUYỆT

Ngày 13 tháng 12 năm Kỷ Dậu

(DL. 21 - 01 - 1970)

Trưởng Ban Kiểm Duyệt Kinh Sách

HIẾN PHÁP HIỆP THIÊN ĐÀI

(Ấn Ký)

TRƯƠNG HỮU ĐỨC

CON ĐƯỜNG CỦA NGƯỜI ĐỆ TỬ
CẠO ĐÀI

SOẠN GIẢ: Hiền-Tài NGUYỄN LONG THÀNH